

ẤN QUANG ĐẠI SƯ
GIA NGÔN LỤC
PHẦN 1

- *Cư sĩ: Lý Viên Tịnh kết tập.*
- *Ấn Quang Đại Sư giám định.*
- *Việt dịch: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa*

LỜI TỰA

Pháp môn Tịnh Độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị. Do vậy, người thiên tư thông minh, tri kiến cao siêu thường xem Tịnh Độ là pháp tu của bọn ngu phu, ngu phụ, chẳng chịu tu trì. Nào biết đây là pháp môn rất ráo để mười phương tam thế hết thấy chư Phật, trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thi, thành chung. Họ thấy kẻ ngu phu, ngu phụ tu được pháp này bèn coi thường, sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, vẫn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc ngõ hầu viên mãn Phật Quả? Miệt thị pháp môn Tịnh Độ chẳng chịu tu là coi những vị trong hội Hoa Nghiêm thuộc hạng người gì? Chỗ quy tông cuối cùng của Kinh Hoa Nghiêm có đáng nên tôn trọng hay nên coi thường đây?

Có thái độ như vậy không có gì khác hơn là do chưa xét kỹ nguyên do của từng pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như tự lực, Phật lực, đại, tiểu, khó, dễ, nên mới đến nỗi như thế. Nếu đã xét kỹ, há chẳng học đòi Hoa Nghiêm Hải Chúng, nhất trí tiến hành cùng cầu Vãng Sanh ư? Án Quang tôi từ lúc búi tóc đọc sách, nhiệm ngay phải cái độc bài Phật của Hàn, Âu, Trình, Chu, may là không có được cái tài như Hàn, Âu, Trình, Chu. Nếu như có được chút tài như họ, ắt sẽ tự mình làm, khiến người làm, thân còn sống mà đã hãm trong địa ngục A Tỳ mất rồi. Từ năm mười bốn, mười lăm tuổi về sau, bệnh nặng nhiều năm. Từ đấy chiêm nghiệm khắp xưa nay, xem kỹ Kinh sách, mới hay những thuyết do Hàn, Âu, Trình, Chu lập đó đều là những tri kiến quẩn quanh ngoài cửa ngõ, tuyệt chẳng đạt đến những sự huyền áo trong nhà.

Nhược quan được một năm, tôi liền xuất gia làm Tăng, chuyên tu Tịnh nghiệp. Thề trọn một đời này làm một kẻ tự tu, chẳng lập môn đình, rộng thu đồ chúng đến nỗi con cháu đời sau làm Phật pháp bại hoại, kéo cả Ấn Quang tôi vào trong địa ngục A Tỳ chịu khổ với chúng. Đến năm Quang Tự 19 (Quý Tỵ - 1893), hòa thượng Hóa Văn Chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà Sơn lên Kinh đô thỉnh Đại Tạng Kinh, nhờ tôi coi sóc việc ấn loát. Xong việc, Hòa Thượng mời tôi cùng về núi. Biết tôi chẳng thích tham gia Tăng sự, Ngài cho tôi ở riêng một liêu, tùy ý tu trì. Đến nay đã hơn ba mươi lăm năm rồi. Ở núi lâu ngày, có việc phải dùng đến bút mực viết lách, tuyệt chẳng dùng đến tên gọi Ấn Quang. Ngay cả những văn tự cần phải ký tên, cũng chỉ tùy tiện viết hai chữ là xong. Vì thế trong hai mươi năm qua, không có người khách nào đến thăm, cũng không có thư từ qua lại làm phiền.

Năm đầu Dân Quốc (1911), Cư sĩ Cao Hạc Niên đem mấy thiên văn cáo đăng trên Phật Học Tùng Báo, chẳng dám dùng tên Ấn Quang, mà dùng tên Ấn Quang thường tự xưng là Thường Tàm Quý Tăng. Vì thế, ký tên là Thường Tàm. Cư sĩ Từ Uất Như và Châu Mạnh Do tưởng lầm là Kiến Thường, nghe nói lầm như vậy cả ba bốn năm chẳng hề biết. Sau Mạnh Do lên núi bái yết, xin quy y, đem mấy thiên bản cáo tệ hại gửi cho Uất Như, đưa in ở Kinh đô, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao khiến cho văn tôi gai mắt khắp mọi người cao nhĩ nên càng thêm hổ thẹn.

Năm Dân Quốc thứ bảy, thứ tám (1918-1919), họ lại lôi ra thêm mấy thiên nữa, soạn thành sách Tục Biên, in chung với cuốn Sơ Biên. Năm Dân Quốc thứ chín, giao cho Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán

sắp chữ thành hai cuốn để làm bản lưu. Mùa Xuân năm Dân Quốc thứ 10, sách in xong. Quang tôi lại qua Dương Châu, đem bản sắp chữ năm Dân Quốc thứ 9 khắc thành một bản, chia làm bốn cuốn. Năm Dân Quốc thứ 11, lại giao cho Thương Vụ Ấn Thư Quán in thành bốn cuốn. Khi ấy, các Cư sĩ chỉ yêu cầu in hai vạn bộ, nhưng đến khi Thương Vụ Ấn Thư Quán in xong, gửi ra bán, số ấy vẫn chẳng đủ!

Mùa Đông năm Dân Quốc thứ 14 (1925), lại giao cho Trung Hoa Thư Cục in bản tăng quảng (bản mở rộng – do thêm vào những bài mới), cũng chia thành bốn cuốn, dày hơn lần in trước một trăm tờ. Mùa Hạ năm nay in sách, do phong trào công nhân đấu tranh, giá in rất cao, chỉ in được hai ngàn bản. Bản gốc đã đem đánh máy ra thành bốn bản sao thì nhà in giữ lại hai bản, trả về cho Quang hai bản. Tôi bèn giao cho Hàng Châu Chiết Giang Ấn Loát Công Ty in trước một vạn bản, sau đó sẽ in tiếp.

Một nhân duyên tình cờ nữa là Cư sĩ Viên Tịnh Lý Vinh Tường trong mấy năm qua, chuyên tâm học Phật, đối với luận Khởi Tín, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác đều viết số giải. Quang bảo: “Người thanh niên nên thiết thực dụng công niệm Phật trước đã, đến khi nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước dày rồi sẽ lại phát huy, tự có thể xiển minh Phật ý truyền khắp vũ trụ”. Khi ấy, ông Lý chẳng chịu là đúng. Sau vì dụng tâm quá độ, tinh thần, thân thể mỗi ngày một suy, mới hay lời tôi nói chẳng sai.

Ông bèn đọc kỹ Văn Sao, hoan hỷ khôn xiết nên trích lục những nghĩa trọng yếu, chia thành từng môn, từng loại, soạn thành một cuốn,

tính dùng giấy in báo in một ngàn cuốn để đáp ứng nhu cầu cần đọc ngay của độc giả. Tháng Năm, ông đến thưa chuyện cùng Quang, rồi cùng vợ thọ quy y. Tháng Tám sách in ra, chẳng lâu sau sách được thịnh hành. Thư yêu cầu nườm nượp gửi tới, tôi bèn bảo giám ngục Tào Hà Kinh sắp đặt việc in sách. Cư sĩ Trần Địch Châu xin đảm nhiệm việc trình bày, cũng như chịu phí tổn đánh máy bốn bản sao. Ông lại chịu tiền in hai ngàn bản, một lúc bỏ ra gần hai vạn.

Với xuất xứ của mỗi câu trong bản này, thuộc quyển nào, trang nào, ông Lý đều ghi kỹ để người đọc có thể đối chiếu với quyển Văn Sao. Do chỉ chép lấy những nghĩa trọng yếu trong các bài văn, xếp vào một loại nên trong mỗi thể loại, ý nghĩa từng đoạn trích khá giống nhau, nhưng tôi chẳng lược bớt đi, ngõ hầu người đọc được khuyến đi, khuyến lại nhiều lần sẽ đoạn ngay được lòng nghi, phát sanh lòng tin. Xuất xứ từ quyển nào, trang số mấy đều dựa theo cách đánh số trong bản Tăng Quảng Văn Sao để làm bản lưu thông vĩnh viễn, sau này không phải in lại nữa.

Lại vì Văn Sao ý nhiều, nghĩa lắm, có lẽ kẻ sơ cơ khó lòng phân biệt, hiểu rõ dễ dàng được, nên tôi thuận theo cơ nghi, muốn cho họ trước hết thấy được những điều trọng yếu của pháp môn, từ đây sẽ thiết thực tấn tu, tự đạt đến chỗ cùng cực, khỏi phải đến nỗi nhìn biển than dài hoặc đến nỗi lui sụt. Nhân đây, chép cả mục lục cuốn Văn Sao Tuyển Độc Biên vào sau mục lục cuốn Gia Ngôn Lục để người chưa từng nghiên cứu Phật học dễ theo dõi. Tôi trình bày duyên do như thế để mong người đọc đều biết rõ.

Nguyện người thấy, người nghe đừng cho lời tôi nói là tầm thường, quê mùa rồi bỏ qua, chỉ toan cầu lấy điều cao thâm, huyền diệu. Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu để mà thôi. Đạo của Như Lai chỉ là Giới - Định - Huệ. Thực hành được việc tầm thường, quê mùa, hành đến cùng cực thì lý cao thâm huyền diệu há còn phải cầu nơi nào khác nữa ư? Nếu không thì chỉ cao thâm huyền diệu nơi đầu môi chót lưỡi, khi sanh tử xảy đến chẳng dùng được mảy may! Xin độc giả hãy lưu tâm!

Mồng Tám tháng Chạp năm Đinh Mão, Dân Quốc 16 (1927), Cổ Tân Thường Tâm Quý Tăng Thích Ấn Quang soạn.

(*) Gia có nghĩa là tốt, lành, đáng khen ngợi. Gia Ngôn là lời nói tốt đẹp, tận thiện. Như vậy, Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục nghĩa là cuốn sách tập hợp những pháp ngữ tận thiện, tận mỹ của Đại Sư Ấn Quang.

Nhược quan: là 20 tuổi. Thời cổ, con trai đến 20 tuổi làm lễ đội mũ (nhược quan), công nhận là một người trưởng thành. Theo Ấn Quang Niên Phở, Đại Sư trốn nhà đi xuất gia năm 21 tuổi, vào năm Quang Tự thứ 7 (Tân Ty - 1881) tại Chùa Nam Ngũ Đài Liên Hoa Động Tự ở núi Chung Nam, thờ hòa thượng Đạo Thuần làm thầy.

DUYÊN KHỞI TÁI BẢN CUỐN ẤN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC

Cổ đức nói: “Pháp chẳng thể phát khởi một mình mà cần phải có nhân duyên”. Rõ ràng là người có thể hoằng đạo, chứ đạo chẳng thể

hoảng người, pháp chẳng tự hoảng, đao chẳng thể tự sát thương, toàn là phải nhờ vào con người hoảng dương, vận dụng. Nay muốn in hơn ngàn cuốn ắt cũng phải có nhân duyên. Vì thế, tôi nay chia ra ba điều duyên khởi để thuật rõ gốc ngọn, ngõ hầu độc giả biết được một đôi điều, sanh ý tưởng khó gặp gỡ, sanh tâm khánh hạnh. Do Văn - Tư - Tu, khởi Tín - Nguyện - Hạnh, nhập Niệm Phật Tam Muội, ai nấy cùng thấy Di Đà, người người chứng địa vị Bất Thoái. Đây chính là điều tôi thấp hương cầu khẩn vậy.

Thứ nhất là thực hiện nguyện cũ: nhớ lúc năm Dân Quốc 57 (1968), tôi đến học tại Trung Quốc Phật Giáo Nghiên Cứu Viện, có dịp đọc được trong thư viện cuốn Án Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục, chẳng ngăn nổi vỗ tay, giậm chân, hớn hờ vô lượng, nhận thấy đây là một tác phẩm ngàn đời khó thấy, ngàn kiếp khó gặp, chẳng gieo trồng cội đức dễ đâu được gặp mà nay được gặp gỡ. Tôi bèn hạ quyết tâm đọc một mạch, không dưới mấy mươi lần, ngộ được chẳng ít Phật lý. Trong tác phẩm này có rất nhiều đạo lý tôi chưa từng bao giờ biết đến, và có cảm giác phải nghiền ngẫm phi thường. Tôi nhận ra hết thấy những Phật pháp được nhắc đến trong Văn Sao đều là những của báu có sẵn trong nhà mình, chẳng đến từ bên ngoài, khác nào đốm của gia bảo, với tay liền được.

Nhân đó, tôi đọc đi đọc lại những Kinh Điển, Luận Tạng được nhắc đến trong Văn Sao như ba Kinh Tịnh Độ, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Long Thư Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ, Liên Tông Bảo Giám, Niệm Phật Luận, Tịnh Nghiệp Chỉ Nam

v.v... Trong mỗi một cuốn ấy, câu câu đều là lời vàng, chữ chữ đều quy tông. Tu theo đó thì đều do hữu niệm chứng nhập vô niệm, chuyển nhiễm niệm thành tịnh niệm, tự chứng tối thượng thừa “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”.

Trong cuốn Gia Ngôn Lục, Đại Sư Án Quang đã giải bày trọn vẹn lẽ sai biệt giữa Tự Lực và Phật Lực, giới hạn của Thiền tông và Tịnh tông, phân tích rõ ràng, khiến kẻ sơ học đoạn nghi sanh tín, biết nên lấy bỏ những gì, càng vào càng sâu. Tu theo đó, ngàn người tu, ngàn người được Vãng Sanh, vạn người tu vạn người Vãng Sanh.

Nhất là chữ “Tử” (chết) do đích thân Đại Sư Án Quang viết chính là diệu dược vô thượng để tiêu phiền não, trừ khử vọng niệm. Mọi loài chúng sanh dựa vào chữ Tử ấy, nghĩ đến địa ngục, phát tâm Bồ Đề, dùng tín nguyện sâu xa trì danh hiệu Phật, lâm chung gặp Phật, Vãng Sanh Tây Phương chẳng biết là bao nhiêu. Bởi thế, ngay khi ấy, tôi liền phát nguyện rằng: “Trong tương lai, ngày nào đó, khi có nhân duyên diễn giảng Phật pháp cho đại chúng, tôi nguyện sẽ đề xướng ấn loát và giảng giải cuốn Gia Ngôn Lục hòng đại chúng hiểu rõ yếu nghĩa tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ mới thôi!” Đây chính là nhân duyên thứ nhất vậy.

Thứ hai là Kinh nghiệm niệm Phật: kể từ khi đọc được Văn Sao Gia Ngôn Lục rồi tôi thường đọc đi, đọc lại, cơ hồ gần chán, nhưng vẫn chưa hiểu hết ý nghĩa. Tiếp đó, đọc hai cuốn Văn Sao thượng hạ, những chỗ chưa hiểu lại đem thỉnh vấn lão sư. Tư duy, thọ trì đôi ba lượt như thế, đem những chữ Tử do Đại Sư viết dán đầy cả phòng, giờ giờ tự Kinh

hãi, khắc khắc tự răn nhắc mình. Lúc ấy tôi mới mười bảy tuổi, suốt ngày chấp trì danh hiệu, có thể nói là Phật chẳng lìa tâm, tâm chẳng rời Phật. Suốt ngày hiếm mở miệng nói năng một đôi câu. Nếu ai hỏi đến cũng chỉ dùng tay ra hiệu mà thôi. Có lúc thậm chí cả hai ba ngày tôi chẳng mở miệng nói câu nào; bởi thế, những người thường gặp mặt tôi bèn hủy báng: “Đồ bệnh thần Kinh, đồ ma dựa”. Tôi nghe riết thành quen, chẳng lưu tâm đến nữa, cho rằng đây là một đại nhân duyên để tiêu diệt tội nghiệp đời trước của mình, khiến cho mình càng thêm dũng mãnh, tinh tấn, chẳng lười nhác.

Dụng công như thế mãi đến khi tôi tốt nghiệp ở Nghiên Cứu Viện vào năm Dân Quốc 59 (1970). Lúc ấy tôi vừa 19 tuổi, thân thể yếu đuối, lắm bệnh, nhưng luôn nhớ kỹ lời Đại Sư khai thị cho hành giả trong Văn Sao: “Người niệm Phật chẳng sợ sanh bệnh, chỉ sợ chẳng thể thấy Phật, niệm Phật. Khi thân thể trở bệnh thường nghĩ đến cái chết, vạn duyên buông xuống, nhất tâm niệm Phật. Như thế thì nếu tuổi thọ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, nếu hết tuổi thọ sẽ mau được Vãng Sanh. Là do tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo vậy!” Do đây, tôi lập công khóa nhất định, trong vòng một ngày, Phật sự phải làm là lễ bái bốn mươi tám nguyện, trì tụng một trăm lễ tám biến thần chú Đại Bi, niệm Phật hiệu vô số. Dụng công như thế suốt một năm, chẳng những thân thể không khỏe hơn, lại càng thêm hư nhược. Lúc ấy, tôi đang ở Chùa Thập Phổ đường Nam Xương tại Đài Bắc.

Khéo sao, có một vị pháp sư tên là Tánh Quán bị ung thư gan đến thời kỳ thứ ba, phải đưa vào bệnh viện. Ít lâu sau, bác sĩ bảo không còn

cách nào chữa được, đưa sang thiền đường Chùa Lâm Tế chờ chết. Mấy ngày sau, Sư Thượng thổ hạ tả, ói ra toàn là máu, được ít lâu thì chết. Khi đó, tôi mới chỉ 20 tuổi, thân thể hư nhược đến cùng cực, thân như cây khô, tinh thần yếu đuối. Người trong Chùa thấy tình cảnh ấy, không ít người bảo tôi: “Tôi xem thầy chẳng mấy chốc cũng giống như pháp sư Tánh Quán, nhất định phải chết thôi!” Hoặc bảo: “Tôi xem thầy chẳng sống được bao lâu nữa!” Lúc ấy đúng là đạo cao một thước, ma cao một trượng. Vừa phát tâm dụng công thì ma chướng càng nhiều. Nghe toàn những lời nói như vậy, vạn phần hoảng sợ, chẳng sao diễn tả nổi.

Sau cùng bất đắc dĩ chẳng biết làm sao, suốt ngày chỉ nghe băng xướng niệm thánh hiệu A Di Đà Phật của pháp sư Sám Vân mà niệm theo, nhất tâm đợi Phật tiếp dẫn Vãng Sanh. Suốt một năm như thế, chẳng những chưa Vãng Sanh mà tình cờ sao, trong một lần đang niệm Phật, niệm đến mức tâm không cảnh vắng, tâm tịnh Phật hiện, đích thân thể hội mùi vị “niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm”.

Từ đó, thân thể của tôi ngày càng khang kiện, máy cassette tặng cho người khác, đem hết thầy tiền bạc mình dành dụm hoặc đồ cúng dường của tín đồ, mỗi mỗi đều dùng làm phương tiện khuyến người khác niệm Phật, phỏng theo cách của Liên Tông Tứ Tổ Pháp Chiếu Đại Sư và Ngũ Tổ Thiếu Khang Đại Sư, xin tiền đem cho trẻ, dụ chúng niệm Phật, hoặc mua tự điển, bút chì tặng cho trường tiểu học, hoặc mua bút máy, sổ nhật ký tặng cho học trò bậc cao trung trở lên. Trước hết, dạy chúng lễ Phật, niệm Phật, rồi mới tặng cho chúng thứ này, thứ nọ. Trong vòng khoảng một cây số, không có trẻ nhỏ nào chưa từng nhận lãnh sự giáo hóa, bố thí

của tôi. Ai nấy thấy tôi đều kêu lên: “Tiểu Sư phụ! A Di Đà Phật!” Sau hơn một năm như thế, lớn nhỏ đều biết niệm Phật.

Một hôm, tôi nhận được công văn kêu đi nhập ngũ, ngày trình diện là mùng Một tháng Năm năm Dân Quốc sáu mươi ba (1974), trong lòng thầm nghĩ: “Lần này đi quân dịch, chuyện sanh tử khó lòng đảm bảo, vạn nhất chết trận thì biết làm sao, chẳng bằng lúc còn sống phải dự bị ôn thỏa mới nên!” Nhân đó, bèn đem bộ Tịnh Độ Tùng Thư 20 quyển mới mua chưa lâu (lúc ấy, còn đang trong thời kỳ ấn hành, chưa in xong toàn bộ) tặng cho Truyền Đạo học trưởng, đem các tự điển Từ Hải và Khang Hy tặng cho pháp sư Minh Quảng. Cố lão sư có tặng cho tôi một bản Thánh Giáo Tự của Vương Hy Chi, mang từ Đại Lục qua, thật là của báu vô giá, tôi cũng tặng luôn cho bạn đồng học là Ngô Khiết. Áo hải thanh và y ca sa tặng luôn cho bạn đồng học là Ngô Quán. Còn thì đồ đạc trong ngoài, dù lớn hay nhỏ đều tặng hết cho đại chúng, chỉ còn mỗi một cái túi da xấu xí là chưa tặng ai cả. Lòng nghĩ nếu như trong quân đội, vạn nhất mình may mắn bỏ xác cũng là nguyện vọng của mình đã thành đạt. Vì sao vậy? Vì tôi đã sớm chuẩn bị, nhớ Kinh Địa Tạng có dạy: “Hết thấy công đức đã làm khi còn sống, đều thọ được hết cả. Nhưng chết đi, làm hết thấy công đức thì bầy phần chỉ được hưởng một phần”. Cho nên những điều mình có thể làm được trong khả năng của mình thì đều làm hết.

Vì thế, một hai ngày trước khi nhập ngũ, tôi đem số tiền tín đồ cúng dường là bảy ngàn đồng, chia thành ba phần: Một phần là năm ngàn đồng

tặng cho công trình xây dựng Tịnh Giác Dục Ấu Viện (viện nuôi trẻ Tịnh Giác). Một phần là sáu trăm đồng cúng dường cho huynh đệ đồng tu. Còn tự mình chỉ mang 1.400 đồng đi nhập ngũ mà thôi.

Sau đấy, suốt ba tháng tại trung tâm huấn luyện, chịu cam khổ như mọi người. Có tháng, tiền chỉ còn ba trăm năm mươi đồng, lại cần phải mua thức ăn chay. Lúc ấy mới hay tiền chẳng đủ dùng, tiền là trọng yếu. Xong hai năm quân dịch, chẳng những không chết, thân thể còn càng thêm cường tráng, khang kiện. Thế mới biết công đức Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn. Hiện tại tôi đã giải ngũ hơn năm năm rồi, phải làm lại hết thầy từ đầu. Muốn mua Kinh sách gì, hoặc là thành lập đạo tràng và những thứ cần dùng hằng ngày đều hoàn toàn cậy vào sự nỗ lực của chính mình. Do đó, đến nay đã ba mươi tuổi đầu rồi mới bắt đầu xây dựng đạo tràng, ngoài việc giảng Kinh, thuyết pháp, chẳng quên đề xướng ấn loát bộ Án Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục. Đấy là nhân duyên thứ hai.

Thứ ba chính là để kết duyên lành. Kinh dạy: “Lúc chưa thành Phật nên rộng kết nhân duyên”. Kinh còn dạy: “Phật đạo kiến lập trên thân chúng sanh. Nếu không có chúng sanh nào để độ thì chư Phật chẳng thể thành Chánh Giác”. Bởi thế, sau khi giải ngũ, tôi liền đối trước Phật phát nguyện: “Phàm là ai có lòng muốn học Phật pháp thì nghĩa vụ của con là phải dạy dỗ họ cho đến khi họ học hiểu mới thôi!”

Tiếp đó, duyên khởi in cuốn Gia Ngôn Lục là do Cư sĩ Kim Bích Hoa và Cư sĩ Ngô Cẩm Hoàng giới thiệu nên tôi được quen biết Cư sĩ Khuru Bích Lân và vợ là Cư sĩ Khuru Ngô Sắc. Họ nói trước đây đã từng

học hiểu cuốn Tứ Kinh Hợp Đính Bản, hiện tại muốn học Tam Muội Thủy Sám, xin tôi phát tâm giảng dạy cho họ. Tôi liền đáp: “Được”. Lúc đó Ngô Cư sĩ và tín đồ của họ đang có mặt đều phát tâm muốn học, muốn đến Chùa tôi, xin tôi mỗi một tuần chọn một ngày nhất định đến chỗ họ giảng dạy. Tôi nói: “Trước mắt, Phật Quang Viện chưa lạc thành, dự định ngày 19 tháng Sáu năm nay, đúng ngày thành đạo của Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ làm lễ khai quang thánh tượng (khéo sao, ngày ấy lại đúng vào Chủ Nhật). Hiện tại trong Phật Tổ Hội đang tích cực quyên góp. Hội này do hai vị Cư sĩ Kim Bích Hoa và Ngô Bảo Ngọc cùng phát khởi. Một hội chọn ra tên hai người, lần lượt chia phiên nhau xuất ra năm trăm đồng trong một tháng nào đó, định hạn là hai mươi tháng, cho đủ một vạn đồng. Trong ấy có người thanh toán trong một lần, có người chia ra hai lần đóng góp tùy sức mỗi người (mục đích là đại chúng hóa, phổ biến hóa, để người hữu duyên có cơ hội tham dự công đức đúc kim thân Phật)”.

Khu cư sĩ nghe xong liền phát nguyện đúc tượng Tây Phương Tam Thánh, ngoài ra thì tham gia một hội hoặc hai hội khác nhau. Kinh nói: “Lục độ vạn hạnh, bố thí làm đầu, trong các nhiệm vụ cấp bách của việc phát tâm thì hỷ xả là bậc nhất”. Chúa trời Đạo Lợi xưa làm Cư sĩ, trông thấy tượng Phật bị hư nát không chịu nổi, bèn phát tâm rủ rê bè bạn ba mươi hai người, tạo kim thân Phật. Do nhân duyên ấy, sau khi mạng chung, sanh làm Đế Thích Thiên Chúa, tục gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế. Ba mươi hai người kia mỗi người làm chúa một cõi Trời, thống trị nhân dân trong nước mình, phước đức, trí huệ vô lượng, được người đời lễ bái.

Bởi vậy, kính mong chư vị Đại Đức đều sanh lòng hoan hỷ hơn hỷ, phát lòng tùy hỷ, xuất tiền, xuất lực, tam luân không tịch (4), vô trụ sanh tâm, công đức vô lượng. Hiện tại muốn ấn loát hơn một ngàn cuốn Gia Ngôn Lục, riêng Khuru Cư sĩ đã phát tâm xin in một ngàn cuốn. Dem công đức này hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ. Đây là nhân duyên thứ ba.

Ba điều duyên khởi vừa lược thuật trên đây đều nói đúng theo sự thực, chứ chẳng phải là lời thêu dệt, cốt để bày tỏ những điều ấp ủ trong lòng tôi, nhằm nói lên nguyện lực Phật Di Đà rộng sâu, công đức niệm Phật thù thắng, đọc Văn Sao lợi ích vô tận. Chỉ nguyện bậc trưởng bối xem đến, phát lòng từ bi chỉ dạy, người ngang hàng nghe đến, sanh ý niệm tham khảo, tùy hỷ. Kẻ văn bối biết đến sẽ sanh lòng hỗ trợ, tặng trưởng pháp. Từ một truyền mười, mười truyền trăm, trăm truyền ngàn, ngàn truyền vạn, cha mẹ dạy bảo con cái, thầy dạy trò, quan trên dạy bảo cấp dưới, từ gần lan ra xa, phổ độ hữu tình, chỉ mong mình lẫn người cùng dự trong Liên Trì Hải Hội, chúng u minh cùng nhập Di Đà Nguyện Hải, đều thành Chánh Giác, cùng hóa độ chúng sanh.

Con chỉ mong mười phương Tam Bảo, hộ pháp long thiên cùng xét soi tâm lòng thành khẩn của con đờ, cùng rủ lòng từ mẫn gia bị. Phổ nguyện thập phương thiện tín, chư vị Đại Đức, đều sanh tâm từ bi hỷ xả, cùng khởi ý niệm ủng hộ Tam Bảo. Chỉ mong những ai thấy nghe đều phát Bồ Đề tâm, hết một báo thân này, cùng sanh về Cực Lạc. Nếu được như thế thì pháp môn may mắn lắm, chúng sanh may mắn lắm!

Trung Hoa Dân Quốc năm thứ 71 (1982), tháng Giêng âm lịch, tiết Nguyên Tiêu, Bản Kiều Thường Tàm Quý Tăng Thích Ngộ Tông kính soạn

ÁN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC

PHẦN I

I. TỊNH ĐỘ THỪ THẮNG

* Lớn lao thay! Điều được pháp môn Tịnh Độ chỉ dạy là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, chỉ thẳng tâm người. Nếu vẫn cho là kém kỳ lạ, đặc biệt thì mỗi niệm niệm Phật chính là thành Phật ngay trong niệm ấy. Độ khắp ba căn, thông nhiếp Thiên, Luật, Giáo. Như mưa đúng thời nhuận thấm vạn vật; giống như biển cả dung nạp trăm sông.

Hết thấy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không pháp nào chẳng phát xuất từ pháp giới này. Hết thấy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thiết, không hạnh nào chẳng quy về nơi pháp giới này. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp, liền được dự vào hàng Bồ Xứ, viên mãn Bồ Đề ngay trong một đời này. Chúng sanh trong cửu giới lìa môn này thì trên là chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới là chẳng thể lợi khắp quần sanh. Bởi đó, trọn Hoa Nghiêm hải chúng cùng tuân theo mười đại nguyện vương; Pháp Hoa vừa xưng một tiếng liền chứng Thật Tướng các pháp.

Tịnh Độ là hạnh phương tiện tối thắng nên trong luận Khởi Tín, Ngài Mã Minh bảo là dễ hành mau đến; Ngài Long Thọ xiển dương pháp này trong luận Tỳ Bà Sa. Hậu thân của đức Thích Ca là Ngài Trí Giả nói ra Thập Nghi Luận chuyên chỉ Tây Phương. Sư Vĩnh Minh là Phật Di Đà thị hiện, soạn Tứ Liệu Giản, chung thân niệm Phật dẫn tam thừa ngũ tánh cùng chứng Chân Thường, đưa thượng thánh hạ phàm cùng lên bờ kia.

Vì thế pháp môn này cả cửu giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi. Ngàn Kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết. Thật có thể nói là pháp cực đàm của một đời giáo hóa của Đức Phật, là đại giáo Nhất Thừa vô thượng. Chẳng trông cội đức thì trải bao kiếp khó gặp được. Đã được thấy nghe phải siêng tu tập.

* Giáo - Lý - Hạnh - Quả là cương tông của Phật pháp. Nhớ Phật, niệm Phật thực là đường tắt để đắc đạo. Thời xưa, cứ tu một pháp thì cả bốn (Giáo - Lý - Hạnh - Quả) đều đủ. Còn đời này nếu bỏ Tịnh Độ thì hoàn toàn chẳng chứng được đạo quả. Ấy là vì cách biệt thánh đã xa, căn tánh con người hèn kém, nếu chẳng cậy vào Phật lực, quyết khó được giải thoát.

Như đã nói: “Pháp môn Tịnh Độ nhiếp khắp căn cơ thượng, trung, hạ; cao trội hơn Luật, Giáo, Thiền Tông, thực là lòng từ bi triệt để của chư Phật, chỉ bày thể tánh sẵn có của chúng sanh, dẫn tam thừa ngũ tánh đồng quy cõi tịnh, đưa thượng thánh hạ phàm cùng chứng Chân Thường. Cửu giới chúng sanh lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh”.

Thế nên, vãng Thánh tiên Hiền (thánh hiền đời trước) ai nấy đều hướng về. Ngàn Kinh vạn luận đâu đâu cũng chỉ quy. Từ sau hội Hoa Nghiêm dẫn khởi quy hướng, các đại Bồ Tát tận khắp mười phương Thế Giới không vị nào chẳng cầu sanh Tịnh Độ; kể từ khi diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, cuối hết thầy các trước thuật của Tây Thiên, Đông Độ đều quy kết Liên Bang.

*** Cổ nhân nói: “Thân người khó được, trung quốc (1) khó sanh, Phật pháp khó nghe, sanh tử khó xong”. Chúng ta may mắn được thân người, sanh ở trung quốc, được nghe Phật pháp. Điều bất hạnh là tự thẹn nghiệp chướng sâu nặng, không sức đoạn Hoặc để mau thoát khỏi Tam Giới, liễu sanh thoát tử; nhưng lại may mắn được nghe đức Như Lai ta tâm bi triệt để nói ra pháp môn Tịnh Độ là pháp đại quyền xảo, phương tiện lạ lùng, khiến hàng phàm phu lè tè sát đất được đối nghiệp Vãng Sanh, thật không còn gì may mắn hơn nữa! Nếu chẳng phải là từ vô lượng kiếp đến nay đã trồng thiện căn sâu dày, làm sao nghe được pháp chẳng thể nghĩ bàn này? Chẳng nên gấp sanh lòng tin chân thành, phát nguyện cầu sanh ư?**

* Trộm nghe Tịnh Độ chính là pháp tỏ bày rốt ráo bồn hoài của Phật, cao vượt hết thầy Thiên - Giáo - Luật, thống nhiếp hết thầy Thiên - Giáo - Luật. Nói gọn thì một lời, một câu, một kệ, một sách đều có thể gồm trọn không còn sót. Nói rộng ra, dù huyền ngôn của Tam Tạng mười hai bộ Kinh, diệu nghĩa của chư Tổ năm tông cũng chẳng thể diễn giảng trọn pháp môn Tịnh Độ này.

Giả sử khắp cả đại địa chúng sanh đều thành Chánh Giác, hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng sức thần thông, sức trí huệ, vi trần nói, cõi nước nói, nói hăm hở, nói không gián đoạn, vẫn còn chưa thể tận nổi! Bởi lẽ Tịnh Độ vốn là chẳng thể nghĩ bàn.

Hãy thử nghĩ xem: Hoa Nghiêm đại Kinh là vua trong Tam Tạng, trong phẩm cuối cùng quy trọng nơi nguyện vương. Áo diễn Pháp Hoa màu nhiệm đứng đầu các Kinh, nghe Kinh liền Vãng Sanh, địa vị ngang

với Đẳng Giác. Vậy thì ngàn Kinh muôn luận đâu đâu đều chỉ quy Tịnh Độ là có nguyên do vậy.

Văn Thù phát nguyện, Phổ Hiền khuyến khích. Trong hội Đại Tập, đức Như Lai thọ ký rằng: Trong đời Mạt Pháp, không do pháp này chẳng thể đắc độ. Trong luận Tỳ Bà Sa, Ngài Long Thọ phán định là pháp dễ hành, mau thoát sanh tử. Thế nên, vãng Thánh tiền hiền người người hướng đến, nào phải phí công toi! Thật có thể nói là cả một đời giáo hóa đều chỉ là để đặt cơ sở cho pháp môn Niệm Phật!

Chẳng phải chỉ có thế! Phàm hết thảy cảnh giới đối ứng sáu căn, tức là: núi, sông, đại địa, sáng, tối, sắc, không, thấy, nghe, hay, biết, thanh, hương, vị v.v... không gì chẳng phải là văn tự để phô diễn, xiển dương Tịnh Độ đó sao? Lạnh - nóng đắp đổi, già - bệnh chen nhau, lụt, hạn, chiến tranh, tật dịch, bạn ma, tà kiến, không gì chẳng phải là để răn nhắc cảnh tỉnh con người mau cầu sanh Tịnh Độ đó ư? Nói rộng ra, há có thể trọn hết được sao?

Còn như bảo “một lời đã gộp hết cả” thì lời đó là “Tịnh”. Tịnh đến cùng cực thì sáng tỏ, thông suốt. Nếu chưa đạt Diệu Giác, há dễ đảm đương nổi một lời này ư? Nghiên cứu bài tụng Lục Tức Thành Phật thì sẽ biết.

“Một câu” là “Tín, Nguyện, Hạnh”. Với Tín - Nguyện - Hạnh thì không Tín chẳng đủ để khởi Nguyện. Không Nguyện thì chẳng đủ để dẫn dắt Hạnh. Không có diệu hạnh Trì Danh thì chẳng đủ để viên mãn điều

mình Nguyễn, chứng điều mình tin. Hết thầy Kinh Luận Tịnh Độ đều phát minh ý chỉ này.

“Một kệ” là kệ tán Phật: Nêu chánh báo để gồm thâu y báo, thuật Hóa Chủ để bao gồm đồ chúng; tuy chỉ gồm tám câu nhưng đã nêu trọn đại cương của cả ba Kinh Tịnh Độ.

Một cuốn sách là cuốn Tịnh Độ Thập Yếu. Chữ chữ đều là bèn cầu cho đời Mạt Pháp. Lời lời đều là gương báu của Liên Tông. Buốt lòng trào lệ, phan tim vẩy máu, xúng táng phát huy, chỉ bày cốt tủy. Dù dùng những thí dụ như cứu người chết đuối, cứu người bị lửa cháy vẫn chẳng thể diễn tả lòng thông thiết của chư Tổ được. Bỏ qua sách này thì chánh tín không do đâu mà sanh được, tà kiến không do đâu mà diệt được!

* Nên biết rằng chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Giả sử ác nghiệp có thể tương thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi”. Lẽ đâu tu trì lơ mơ, hời hợt, lại tiêu nổi được nghiệp ư? Bởi vậy, Thích Ca, Di Đà, giáo chủ hai cõi, đau đáu nghĩ đến chúng sanh không sức đoạn Hoặc, riêng mở ra một pháp môn nương vào từ lực của Phật để đối nghiệp Vãng Sanh. Lòng hoằng từ đại bi ấy dù trời đất, cha mẹ cũng chẳng thể bằng được một phần Hằng hà sa. Chỉ nên phát lòng thẹn hổ, phát tâm sám hối mới tự có thể được Phật gia bị, nghiệp tiêu, thân an thôi!

*** Hòa Thượng Thiện Đạo nói: “Nếu muốn học về Giải thì hết thầy các pháp từ địa vị phàm phu cho đến địa vị Phật, không pháp nào chẳng nên học. Nếu muốn học về Hạnh, nên chọn lấy một pháp**

khế lý, khế cơ, chuyên tinh tận sức mới mau chứng được lợi ích chân thật. Nếu không thì từ kiếp này qua kiếp nọ vẫn khó xuất ly!” Pháp khế lý, khế cơ Ngài nói đó không gì hơn là Tín Nguyễn Trì Danh Cầu Sanh Tây Phương!

* Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ gọi là “Tịnh Độ Tam Kinh”, chuyên luận về sự lý duyên khởi của Tịnh Độ. Các Kinh Đại Thừa khác đều nói kèm về Tịnh Độ. Nhưng Kinh Hoa Nghiêm chính là khi đức Như Lai mới thành Chánh Giác, vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ mà xúng tánh giảng thẳng diệu pháp Nhất Thừa. Cuối Kinh, Thiện Tài đi tham học khắp các thiện tri thức. Sau khi chứng ngộ như chư Phật, Thiện Tài đồng tử được Phổ Hiền Bồ Tát giảng cho nghe mùi đại nguyện vương. Ngài dạy Thiện Tài và khắp Hoa Nghiêm hải chúng hồi hương Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới ngõ hầu được viên mãn Phật Quả.

Trong Quán Kinh, phần nói về hạ phẩm hạ sanh, kẻ ngu nghịch - thập ác đủ các điều bất thiện, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy cho niệm Phật. Kẻ ấy liền vâng lời dạy, xưng niệm Phật danh, chưa đầy mười tiếng liền thấy Hóa Thân Phật đưa tay tiếp dẫn Vãng Sanh.

Kinh Đại Tập dạy: “Đời Mạt Pháp ức ức người tu hành, hiếm có một người đắc đạo. Chỉ có nương vào Niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử”. Do vậy, ta biết rằng pháp niệm Phật là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu, là pháp dù trí hay ngu đều hành được. Hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít nhưng được hiệu quả nhanh. Do chuyên cậy vào Phật lực nên

lợi ích thù thắng, vượt trội những giáo pháp thông thường. Người xưa nói: “Các môn khác học đạo như kiến bò lên núi cao. Niệm Phật Vãng Sanh như căng buồm thuận gió, nước xuôi”, thật rất khéo hình dung vậy!

* Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi lục đạo, trải bao kiếp dài lâu chưa thể thoát ra. Do vậy, Ngài hưng khởi Vô Duyên Từ, vận lòng bi đồng thể, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi nói rộng các pháp. Nói đại cương, gồm có năm tông. Năm tông gì? Là Luật, là Giáo, là Thiên, là Mật, là Tịnh.

Luật là thân Phật, Giáo là lời Phật, Thiên là tâm Phật. Sở dĩ Phật được gọi là Phật chỉ là do ba pháp này mà thôi. Sở dĩ đức Phật độ sanh cũng chỉ là do ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự có thể nương theo Luật, Giáo, Thiên tu trì thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn.

Lại sợ túc nghiệp sâu nặng chẳng thể dễ chuyển nên dùng sức đà-ra-ni tam mật gia trì để un đúc. Hoặc lại sợ rằng căn khí kém cỏi, chưa được giải thoát, phải thọ sanh lần nữa sẽ khó tránh khỏi mê lầm; vì thế đặc biệt mở ra một môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, ngõ hầu dù thánh hay phàm đều cùng Vãng Sanh Tây Phương ngay trong đời này. Bậc thánh thì mau chứng Vô Thượng Bồ Đề, kẻ phàm thì vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử trôi buộc. Do dựa vào từ lực của Phật nên công đức, lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Nên biết rằng: Luật là nền tảng của Giáo, Thiên, Tịnh, Mật. Nếu chẳng nghiêm trì giới cấm sẽ chẳng thể đạt được lợi ích chân thật nơi Giáo, Thiên, Tịnh, Mật. Như lầu cao vạm trượng, nếu nền móng chẳng vững thì chưa cất xong đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Giáo, Thiên, Tịnh, Mật, như trăm sông, vạn dòng đều đổ vào biển cả.

Bởi lẽ, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn để mười phương chư Phật trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thi, thành chung. Vì thế trong phẩm Nhập Pháp Giới Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài được Ngài Phổ Hiền gia bị, khai thị, chúng được Đăng Giác. Đức Phổ Hiền lại khuyên Thiện Tài nên phát mười đại nguyện vương, hồi hướng Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới ngũ hầu mau viên mãn Phật Quả. Ngài lại dùng pháp này phổ khuyên toàn bộ Hoa Tạng đại chúng nên tu tập như thế.

Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, phần nói về Hạ Phẩm Hạ Sanh, hạng người ngũ nghịch thập ác, sắp đọa địa ngục A Tỳ, được thiện tri thức dạy cho niệm Phật, niệm mười tiếng hoặc chỉ niệm mấy tiếng là mạng chung, cũng vẫn được Phật tiếp dẫn Vãng Sanh Tây Phương.

Xem đó thì trên từ bậc Đăng Giác Bồ Tát chẳng thể ra khỏi pháp này, dưới đến kẻ tội ngũ nghịch, thập ác cũng có thể chứng nhập pháp này. Công đức, lợi ích của pháp môn đây vượt trội hơn các giáo pháp khác trong cả một đời giáo hóa của Đức Phật. Bởi lẽ, các giáo pháp khác toàn dạy dùng tự lực để thoát ly sanh tử. Kẻ chưa đoạn Hoặc, nương vào tự lực của Phật liền có thể đơi nghiệp Vãng Sanh. Kẻ đã đoạn Hoặc nếu nương theo tự lực của Phật sẽ chóng chứng được phẩm vị cao.

Vì thế, đây là một pháp môn đặc biệt nhất trong cả một đời giáo hóa của Đức Phật, chẳng thể dùng những giáo pháp thông thường để bàn luận pháp này được! Do đó, các Kinh Đại Thừa như Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v..., các đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền...; các Đại Tổ Sư như Long Thọ, Mã Minh... đều hiển thị, xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy, phổ khuyến Vãng Sanh.

* Đức Di Đà, đức Thích Ca trong những kiếp xưa, phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Vị này thì thị hiện sanh trong uế độ, dùng như, dùng khổ chiết phục, hồng đưa chúng sanh đi. Vị kia thì an cư Tịnh Độ, dùng tịnh, dùng vui nhiếp thọ để lôi kéo, uôn nắn.

Ông chỉ thấy ngu phu, ngu phụ cũng niệm Phật được bèn coi thường Tịnh Độ; sao chẳng thấy trong phẩm Nhập Pháp Giới của Kinh Hoa Nghiêm, sau khi Thiện Tài đã chứng ngộ ngang với chư Phật thì Phổ Hiền Bồ Tát bèn chỉ dạy phát khởi mười đại nguyện vương, hồi hướng Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới hồng viên mãn Phật Quả? Huống hồ Bồ Tát còn đem pháp này khuyên khắp cả Hoa Tạng hải chúng nữa? Hoa Tạng Hải Chúng không một ai là phàm phu, nhị thừa, toàn là Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi một địa vị, cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể do bốn nguyện hiện làm Phật trong Thế Giới không có Phật.

Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng, tịnh độ vô lượng, nhưng ai nấy đều hồi hướng Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, đủ biết là Vãng Sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường tắt để thành

Phật. Vì thế, từ xưa tới nay, trong tất cả tông lâm Thiên, Giáo, Luật, không đâu chẳng sớm chiều trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương vậy.

* Hết thấy chúng sanh vốn sẵn có trí huệ, đức tướng Như Lai. Chỉ do mê chân theo vọng, quay lưng với Giác, xuôi theo trần lao, nên toàn thể chuyển thành phiền não, ác nghiệp. Vì thế phải trải bao kiếp dài lâu, luân hồi sanh tử. Như Lai thương xót giảng ra các pháp khiến họ bỏ vọng quy chân, ngoảnh mặt với trần lao, xuôi theo giác ngộ, khiến cho toàn thể phiền não ác nghiệp lại trở thành trí huệ, đức tướng. Từ đây cho đến cùng tột đời vị lai, an trụ trong cõi Thường Tịch Quang. Khác nào nước đóng thành băng, băng lại tan thành nước, thể vốn chẳng khác, nhưng công dụng thực khác nhau một trời một vực.

Nhưng căn cơ chúng sanh có Tiểu, có Đại, mê có cạn, có sâu; Phật tùy thuận cơ nghi của mỗi người khiến ai nấy đều được lợi ích. Pháp môn Ngài nói ra mênh mông như Hằng sa, nhưng cầu lấy pháp chí viên, chí đốn, tối diệu, tối huyền, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh, độ khắp ba căn, thống nhiếp các pháp, thượng thánh hạ phàm cùng chung tu, đại cơ cùng tiểu căn cùng lãnh thọ được thì không gì thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp môn Tịnh Độ. Vì sao nói thế?

Hết thấy pháp môn tuy đốn - tiệm khác nhau, quyền - thật đều khác, nhưng đều phải dụng công tu tập sâu xa mới hòng đoạn Hoặc, chứng chân, xuất ly sanh tử, siêu phàm nhập thánh. Đó gọi là cậy vào tự lực, không nương dựa vào điều gì khác cả. Nếu như còn chút Hoặc chưa tận thì vẫn bị luân hồi như cũ. Đấy đều là các pháp phải thấu đạt lý rất sâu,

chẳng dễ tu tập. Nếu chẳng phải hạng sẵn có linh căn từ trước, đời này thật khó lòng chứng nhập.

Chỉ có mình pháp môn Tịnh Độ, chẳng luận là phú quý hay bần tiện, già, trẻ, gái, trai, trí, ngu, tăng, tục, sĩ, nông, công, thương, hết thảy hạng người đều tu tập được là do đại bi nguyện lực của đức A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh khổ não cõi Sa Bà. Vì thế, so với các pháp môn khác, tu Tịnh Độ đắc quả dễ dàng hơn.

* Một niệm tâm tánh của chúng sanh và một niệm tâm tánh của Phật chẳng hai. Tuy còn mê chưa giác, khởi Hoặc tạo nghiệp, gây đủ các tội, Phật tánh sẵn có vẫn không bị tổn thất. Ví như ma-ni bảo châu vớt nhà xí, sánh cùng phân ứế trộn chẳng khác gì. Kẻ ngu chẳng biết là báu, coi hệt như phân ứế. Người trí biết là diệu bảo vô giá, chẳng hiềm ô ứế, vào trong nhà xí nhặt lên, dùng đủ mọi cách gột rửa cho sạch. Sau đó, treo lên tràng cao, liền phóng đại quang minh, tùy lòng người muốn gì đều tuôn khắp các thứ báu. Bởi đó kẻ ngu mới biết là quý báu.

Đại Giác Thế Tôn thấy các chúng sanh cũng giống như vậy: do hôn mê, đảo, Hoặc, gây đủ ngũ nghịch, thập ác, vĩnh viễn đọa trong đường ác tam đồ; Phật không hề có tâm niệm vứt bỏ, luôn tìm kiếm cơ duyên, hiển nhiên hoặc ngầm gia bị cho, vì họ thuyết pháp, mong họ giữ sạch Hoặc nghiệp huyễn vọng, ngộ Phật tánh chân thường, mãi cho đến khi viên chứng Vô Thượng Bồ Đề mới thôi. Đối với kẻ tội tà đình, ác cùng cực cũng vẫn như vậy. Với kẻ tội nghiệp ít, dạy cho tu Giới và Thiện. Với người có sức thiên định sâu, không một ai là chẳng được Phật hóa độ như vậy.

Phàm là trong tam giới, người nhiếp được tâm, chế ngự được các phiền hoặc, nhưng còn chấp thân, tình chủng vẫn còn; một khi phước báo hết, sanh xuống cõi dưới, gặp cảnh, đặng duyên, lại khởi Hoặc tạo nghiệp. Do nghiệp cảm khổ, luân hồi lục đạo không lúc nào xong. Vì thế Kinh Pháp Hoa bảo: “Ba cõi không an giống như nhà cháy. Các khổ đầy dẫy, thật đáng sợ hãi”. Nếu chẳng phải là kẻ nghiệp tận, tình không, đoạn Hoặc chứng chân thì chẳng có hy vọng thoát khỏi tam giới.

Nay chỉ có mỗi pháp môn Tịnh Độ, cốt sao lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, liền có thể nương Phật từ lực Vãng Sanh Tây Phương. Đã được Vãng Sanh liền nhập Phật cảnh giới, thọ dụng như Phật, phàm tình, thánh kiến thứ gì cũng chẳng sanh. Thật là ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng, là pháp môn vạn phần chẳng thể bỏ sót vậy. Nay đang lúc Mạt Pháp, bỏ pháp môn này thì không còn có cách nào khác cả.

* Phật quang chính là trí huệ có sẵn ngay trong tâm của phàm, thánh, chúng sanh và Phật trong mười pháp giới. Tâm ấy thể lộ quang minh chiếu suốt, trạm tịch, thường hằng, bất sanh, bất diệt, vô thi, vô chung, theo chiều dọc tốt cùng ba đời nhưng ba đời bởi đó mà mất hết, theo chiều ngang trọn khắp mười phương nhưng mười phương bởi đó tiêu sạch. Nếu bảo là Không thì vạn đức cùng hiện bày trọn vẹn. Nếu bảo là Có thì một trần chẳng lập. Chính là hết thấy pháp nhưng lìa hết thấy tướng. Tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng. Dù có ngũ nhãn cũng chẳng thấy được, có tứ biện tài cũng chẳng diễn tả được; nhưng pháp nào cũng phải nương vào sức nó, chỗ nào cũng gặp nó cả.

Nhưng do chúng sanh chưa triệt ngộ nên chẳng những không thọ dụng được, trái lại còn dùng sức chẳng thể nghĩ bàn ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp. Do nghiệp cảm khổ đến nỗi sanh tử, luân hồi không lúc nào xong, dùng chân tâm thường trụ để lãnh huyễn báo sanh diệt. Ví như đang say thấy nhà cửa quay cuồng, nhà thật sự chẳng quay; mê bảo là phương vị di chuyển, phương vị thật sự chẳng dời động! Toàn là do vọng nghiệp hóa hiện, trọn không có pháp nào để được cả.

Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn thị hiện thành Phật đạo, lúc Ngài chứng ngộ triệt để Phật quang bèn than:

“Lạ thay! lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có đủ Như Lai trí huệ, đức tướng, chỉ do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa được vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí sẽ được hiện tiền”.

Kinh Lăng Nghiêm chép: “Diệu tánh viên minh lìa các danh tướng, vốn chẳng có Thế Giới, chúng sanh. Do vọng mà có sanh, do sanh nên có diệt. Sanh diệt gọi là Vọng. Diệt vọng gọi là Chân. Đấy gọi là Như Lai Vô Thượng Bồ Đề hay Đại Niết Bàn, hai danh hiệu sử dụng lẫn nhau”.

Ngài Bàn Sơn nói: “Một mảnh trăng tâm lưỡi liềm, nuốt mất ánh sáng muôn vật. Tâm chẳng chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Tâm, cảnh cùng mất, còn là vật gì?”

Ngài Quy Sơn nói: “Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn - trần. Thể lộ chân thường, chẳng phiền văn tự. Tâm tánh chẳng nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng niệm tức Như Như Phật”.

Do đây, biết rằng mọi ngôn giáo của Phật, Tổ, không lời nào chẳng phải là nhằm chỉ bày tâm tánh sẵn có của chúng sanh, khiến họ bỏ mê quy ngộ, phản bản hoàn nguyên (trở về nguồn gốc) đó thôi! Nhưng chúng sanh căn cơ có sâu cạn, mê có dày, mỏng, nếu chẳng nhọc nhằn dùng mọi thứ ngôn giáo để khai thị, chỉ dẫn, dùng các thứ pháp môn để đối trị thì mỗi người nhờ đâu mới nhìn xuyên được mây mê che lấp tánh không, thấy được vàng tâm nguyệt?

Bởi thế, lúc Như Lai mới thành đạo, trước hết Ngài diễn giảng Đại Hoa Nghiêm, luận thẳng vào đại pháp vượt ngoài cửu giới, chẳng xen lẫn với pháp Quyền - Tiểu, hòng những hàng đại cơ tức căn thành thực đều chứng Chân Thường, vượt lên bốn Giác. Lại do độn căn chúng sanh chưa được hưởng lợi ích, Phật liền khéo dẫn dụ dần dần, tùy cơ diễn thuyết: hoặc dùng Ngũ Giới, Thập Thiện để nhiếp phục hai thừa nhân - thiên khiến họ gieo nhân Phật đạo thù thắng; hoặc là dùng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ Vạn Hạnh nhiếp phục ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát khiến họ chứng được cận duyên của Phật đạo.

Bắt đầu từ thời A Hàm cho đến thời Bát Nhã, không Kinh nào là chẳng tuyên thuyết thuận theo căn tánh của chúng sanh, khiến họ lần lượt tiến dần trên đường về nhà. Bản hoài của Phật vẫn giữ kín chưa nói. Mãi đến thời Pháp Hoa, Phật mới khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bản, nhân - thiên - quyền - tiểu đều là Nhất Thừa, khách làm thuê thật là con ông trưởng giả! Ba căn đều được thọ ký, diễn bày trọn vẹn bản hoài xuất thế, cùng hội Hoa Nghiêm ban sơ, đầu cuối chiếu rọi lẫn nhau. Có thể nói

là một đại sự nhân duyên đem giao phó trọn vẹn, không còn giấu diếm chút gì.

Lại vì chúng sanh đời Mạt căn cơ hèn kém, thật chẳng ai có thể đoạn Hoặc chứng chân. Vì thế, Phật đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ hồng thượng, trung, hạ căn, dù phàm hay Thánh cùng lìa khỏi Sa Bà, sanh về Cực Lạc ngay trong đời này, chúng dần dần vô lượng quang - thọ. Lòng thâm từ đại bi ấy thật là chí cực không còn gì hơn được nữa!

* Phật pháp rộng sâu như biển cả. Kẻ phàm phu sát đất nào lại có thể một hơi hút sạch tận nguồn, cạn đáy được? Tuy nhiên, nếu có thể sanh tâm chánh tín sẽ tự có thể tùy theo sức mình được hưởng lợi ích. Ví như Tu La, hương tượng và các loài muỗi mòng uống nước biển cả; loài nào, loài nấy uống no mới thôi. Đức Như Lai xuất thế tùy thuận chúng sanh thuyết pháp khiến mỗi loài được lợi ích cũng giống như thế. Chúng sanh đời mạt nghiệp chướng sâu dày, thiện căn cạn mỏng, tâm trí hẹp kém, thọ mạng ngắn ngủi. Đã thế, tri thức ít ỏi, ma tà, ngoại đạo tung hoành. Tu các pháp môn khác muốn ngay trong hiện đời đoạn Hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử thật là một việc hy hữu cực khó.

Chỉ mỗi mình pháp Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực. Thế nên chẳng cần biết đến Đoạn, Chứng, chỉ trọng Tín - Nguyện. Nếu có đủ tín - nguyện, dầu là hạng tội ác cực đại sắp đọa A Tỳ địa ngục vẫn có thể nương vào sức thập niệm, mau chóng được Phật từ tiếp dẫn Vãng Sanh. Ôi! Như Lai đại từ phổ độ chẳng bỏ sót một ai. Chỉ mình pháp này thật là tóm thâu trọn khắp.

* Pháp môn Niệm Phật nguyên lai ra sao? Do một niệm tâm tánh của chúng ta giống như hư không thường hằng, bất biến. Tuy thường chẳng biến, nhưng lại niệm niệm tùy duyên. Nếu chẳng duyên theo Phật giới sẽ duyên theo cửu giới. Chẳng duyên theo tam thừa sẽ duyên theo lục đạo. Chẳng duyên theo nhân thiên, ắt sẽ duyên theo tam đồ. Do duyên theo nhiễm - tịnh sai khác thành ra quả báo sướng - khổ khác xa.

Dù bản thể trọn chẳng biến đổi, nhưng Tướng và Dụng dĩ nhiên khác biệt một trời, một vực! Ví như hư không, mặt trời chiếu thì sáng, mây đùn thì tối. Tuy bản thể của hư không chẳng vì mặt trời hay mây mà tăng, giảm, nhưng tướng trạng hiện rõ hay ngấm che cố nhiên chẳng thể nói là cá mè một lứa. Do nghĩa này, Như Lai dạy mọi chúng sanh duyên niệm nơi Phật.

Vì thế mới nói: “Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tại, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa”.

Lại nói: “Chư Phật Như Lai là pháp giới thân vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, lúc tâm các người tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biện Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tướng sanh”.

Hễ duyên theo Phật giới thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Nếu duyên theo các giới chúng sanh thì tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Đã hiểu vậy rồi mà vẫn chẳng niệm Phật, thật là chuyện chưa từng có! Một pháp Niệm Phật lấy vạn đức hồng danh của Như Lai làm duyên, mà vạn đức hồng danh ấy chính là Vô

Thượng Giác Đạo do đức Như Lai đã chứng khi Ngài đắc quả. Do lấy Quả Địa Giác (sự giác ngộ khi đã chứng quả) làm Nhân Địa Tâm (cái tâm dùng để tu nhân), cho nên Nhân trùm biển Quả, Quả thấu tốt nguồn Nhân. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; như tò vò nuôi nhện, lâu ngày hóa tò vò con (3). Thành Phật ngay trong đời này, chuyển phàm thành Thánh; công năng, lực dụng của pháp này vượt xa hết thảy các pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa của Đức Phật. Bởi lẽ, các pháp môn khác đều cậy vào Tự Lực, phải đoạn Hoặc chứng chân mới hòng liễu sanh thoát tử.

Pháp môn Niệm Phật: Tự Lực và Phật Lực cả hai cùng đủ. Bởi thế, người đã đoạn Hoặc Nghiệp sẽ mau chứng Pháp Thân. Người đầy đầy Hoặc Nghiệp thì đời nghiệp Vãng Sanh. Pháp này cực kỳ bình thường, dù là kẻ ngu phu, ngu phụ cũng được hưởng lợi ích; nhưng lại cực kỳ huyền diệu, dầu là Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thoát khỏi phạm vi của pháp này. Vì thế, không một ai là chẳng tu được. Hạ thủ dễ, thành công cao. Dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Thật là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của Như Lai. Vì thế, chẳng thể dùng những giáo lý thông thường để bình luận, phán đoán được! Mạt Pháp chúng sanh phước mỏng, huệ cạn, chướng dày, nghiệp sâu, chẳng tu pháp này, toan cậy Tự Lực để đoạn Hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử thật là vạn nan, vạn nan!

* Kể từ Đại Giáo truyền sang Đông (ý nói: Phật Giáo truyền sang Trung Hoa), Lô Sơn hưng khởi Liên Xã, một xưởng trăm hòa, không đâu chẳng thuận theo. Nhưng những vị có đại công làm rạng rỡ Tịnh tông thì đời Bắc Ngụy có Ngài Đàm Loan. Ngài Đàm Loan là bậc chẳng thể suy

lượng nổi. Do có việc, Ngài phải xuống Nam gặp Lương Vũ Đế; sau trở về Bắc, Vũ Đế thường hướng về Bắc cúi lạy, nói: “Loan Pháp Sư là bậc nhục thân Bồ Tát!”.

Đời Trần - Tùy có Ngài Trí Giả. Đời Đường có Ngài Đạo Xước, noi theo giáo pháp của Ngài Đàm Loan, chuyên tu Tịnh nghiệp, cả đời giảng ba Kinh Tịnh Độ hơn hai trăm lượt. Từ cửa Ngài Đạo Xước, có Ngài Thiện Đạo. Cho đến các vị Thừa Viễn, Pháp Chiêu, Thiệu Khang, Đại Hạnh thì liên phong đã thổi khắp cả trung ngoại (trong và ngoài Trung Hoa). Do vậy, tri thức các tông không ai là chẳng dùng đạo này để mật tu hoặc hiển hóa, tự lợi, lợi tha.

Với nhà Thiên, nếu chỉ đề cao hướng thượng thì một pháp chẳng lập, Phật còn chẳng thêm bận tâm tới, huống là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Đây là Chân Đế: một pháp đã mất thì hết thấy đều mất. Nói: “Thật Tế Lý Địa chẳng nhận một mảy trần” là nói về Tánh thể. Nếu luận đích xác về mật tu trì thì lại chẳng bỏ một pháp nào, chẳng làm việc thì chẳng ăn, huống hồ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Đây là Tục Đế: một pháp đã lập thì hết thấy đều lập.

Nói: “Trong cửa Phật sự chẳng bỏ một pháp” là nói về Tánh sẵn đủ vậy. Nếu toan bỏ Tục Đế để luận Chân Đế thì chẳng phải là Chân Đế, khác nào bỏ tứ đại, ngũ uẩn đi tìm tâm tánh. Thân đã chẳng còn, tâm gởi vào đâu? Nếu dùng Tục Đế để hiển Chân Đế thì đích thực là Chân Đế. Như ở nơi mắt thì bảo là thấy, ở tai gọi là nghe; tức là dùng tứ đại, ngũ uẩn để hiển tâm tánh.

Những điều vừa nói trên đây chính là ý chỉ lớn lao của việc chư Tổ ngâm tu Tịnh Độ; nhưng các Ngài chẳng giảng rộng, thuật rõ, nên nếu chẳng hiểu sâu xa ý Tổ sẽ chẳng biết được. Cứ như quy chế kỳ đảo cho những vị Tăng mắc bệnh và quy cách thiêu hóa, tống táng những vị đã mất do Ngài Bách Trượng xác lập, ta thấy đều quy về Tịnh Độ.

Có vị nói: “Tu hành dùng niệm Phật là ôn hòa, thích đáng”. Ngài Chân Hiệt Liễu bảo: “Pháp môn Tịnh Độ chính là để tiếp dẫn căn khí thượng thượng, chỉ kiêm tiếp dẫn căn khí trung hạ”. Ngài còn bảo: “Trong cả tông Tào Động hết thầy đều ngâm tu. Do vì tu Tịnh Độ thấy Phật giản dị hơn Tông môn rất nhiều”. Ngài cũng bảo: “Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiền đều tu Tịnh Độ, đồng quy một nguồn”. Những lời ấy đủ cho ta thấy được đại khái quan điểm của các Thiền Sư thời ấy.

Kịp đến Ngài Vĩnh Minh Đại Sư, bản thân là Cổ Phật, do nguyện xuất thế mới lưu lại ngôn giáo rõ ràng, soạn sách lưu truyền, hoằng dương. Ngài lại sợ người học chẳng rõ đường nẻo, lẫn lộn lợi hại, nên cực lực xướng ra bài kệ Tứ Liệu Giản, có thể nói là cương tông của cả Đại Tạng. Ngài làm bậc hướng đạo nơi đường rẽ, khiến cho người học chỉ trong tám mươi chữ đốn ngộ yếu đạo xuất sanh tử, chứng Niết Bàn. Tấm lòng đau đáu cứu thế của Ngài thật là thiên cổ chưa từng có.

Sau đây, các Tông Sư đều lưu lại ngôn giáo rõ ràng, chuyên khen ngợi pháp này như các Đại Tổ Sư: Trường Lô Trách, Thiên Y Hoài, Viên Chiếu Bản, Đại Thông Bản, Trung Phong Bản, Thiên Như Tác, Sở Thạch Kỳ, Không Cốc Long v.v... tuy hoằng dương Thiền Tông, vẫn chú trọng khen ngợi Tịnh Độ.

Đến khi Liên Trì Đại Sư tham học với Tiểu Nham Đại Ngộ xong, cân nhắc mọi bề, đề xướng: “Nếu Tịnh nghiệp đã thành, Thiền Tông sẽ tự chứng. Giống như tám nơi biển cả là đã dùng nước của cả trăm sông. Thân đã đến điện Hàm Nguyên, cần gì hỏi Trường An đâu nữa!” Sau đấy, các Đại Tổ Sư: Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tĩnh Am, Mộng Đông v.v... không vị nào chẳng xướng như vậy. Bởi lẽ, lập cách hóa độ theo thời, pháp phải phù hợp căn cơ. Nếu không như thế, chúng sanh chẳng thể đắc độ!

Từ đấy về sau, Phật pháp suy dần, lại thêm quốc gia lăm biền cố, pháp luân cơ hồ ngừng chuyển. Dù có bậc trí thức ra sức chống chọi, nhưng chẳng đủ sức, đến nỗi chẳng ai hỏi đến đạo này. Nếu có ai bàn đến pháp này, người nghe cứ như đang bị làm phiền. May còn có một hai vị Tăng, Tục đại tâm, in khắc lưu truyền, khiến cho những lời giáo huấn của chư Tổ chẳng bị diệt, khiến cho người ta được tạm nghe đến thì thật không còn gì may mắn hơn!

* Cho đến khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn công Đại Sư (tổ Huệ Viễn) bèn dùng pháp này lập tông. Lúc đầu, Ngài muốn cùng đồng học là Huệ Vĩnh qua La Phù, nhưng bị pháp sư Đạo An lưu lại. Ngài Huệ Vĩnh bèn một mình đi trước qua Tầm Dương. Thứ sử Đào Phạm ngưỡng mộ đạo phong của Sư, bèn lập Chùa Tây Lâm cho Ngài ở. Đây là năm Đinh Sửu niên hiệu Thái Nguyên thứ hai (377) đời Hiếu Vũ Đế nhà Đông Tấn. Đến năm Thái Nguyên thứ 9 (Giáp Thân - 384), Viễn công mới đến Lô Sơn.

Thoạt đầu, Ngài trụ tại Tây Lâm, nhưng bạn tu tìm đến quá đông, Chùa Tây Lâm chật hẹp không chứa nổi. Thứ sử Hoàn Y bèn bắt đầu dựng Chùa tại phía Đông núi, đặt tên là Đông Lâm. Đến ngày 28 tháng Bảy năm Canh Dần (390 - Thái Nguyên thứ 15), Viễn công bèn cùng tăng, tục 123 người, kết Liên Xã niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, sai ông Lưu Di Dân soạn bài văn khắc vào đá để minh thệ.

Pháp Sư Huệ Vĩnh cũng dự vào Liên Xã. Vĩnh công sống tại Tây Lâm, trong gian nhà tranh biệt lập trên đỉnh núi. Khi ấy có người đi Thiền hành, đến bên thớt Ngài, liền ngửi thấy mùi hương lạ, nhân đó đặt tên là Hương Cốc (hang thơm) để người khác suy ra thì biết.

Lúc Viễn công mới kết xã, có một trăm hai mươi ba người đều là bậc long tượng trong pháp môn, Thái Sơn - Bắc Đẩu trong làng Nho. Do đạo phong của Viễn công lan tỏa nên đều rủ nhau tìm tới. Nếu tính suốt cả hơn ba mươi năm trong đời Ngài thì số người dự vào Liên Xã tu Tịnh nghiệp, được tiếp dẫn Vãng Sanh rất nhiều không thể tính nổi.

Sau này, các vị Đàm Loan, Trí Giả, Đạo Xước, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh... không vị nào chẳng như thế cả: tự hành, dạy người. Ngài Đàm Loan soạn Vãng Sanh Luận Chú diệu tuyệt cổ kim. Ngài Trí Giả viết Thập Nghi Luận diễn giải đến tột cùng lẽ được mất. Ngài soạn Quán Kinh Sớ giảng sâu xa cách quán tưởng đúng đắn. Ngài Đạo Xước giảng ba Kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt. Ngài Thiện Đạo sớ giải ba Kinh Tịnh Độ, cực lực khuyên chuyên tu. Ngài Thanh Lương sớ giải Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm phát huy đạo rốt ráo thành Phật. Ngài Vĩnh Minh nói Tứ Liệu Giản chỉ thẳng pháp liễu thoát ngay trong đời này.

Từ xưa, các bậc cao nhân trong các tông, không vị nào lại chẳng hướng lòng về Tịnh Độ, chỉ có các tông sư nhà Thiền lại chuyên ngâm tu nên không xiển dương rõ rệt. Từ sau khi Ngài Vĩnh Minh xướng xuất, các vị mới lưu lại ngôn giáo rõ rệt, thiết tha khuyên tu trì. Vì thế, bài Khuyên Tu Tịnh Độ Văn của Tử Tâm Tân Thiền Sư có câu: “Di Đà rất dễ niệm, Tịnh Độ thật dễ sanh”. Còn viết: “Người tham thiền rất nên niệm Phật. Nếu căn cơ độn, chỉ e đời này chưa thể đại ngộ, phải nhờ Di Đà nguyện lực tiếp dẫn Vãng Sanh”. Ngài còn viết: “Nếu ông niệm Phật mà chẳng sanh Tịnh Độ thì lão tăng sẽ đọa trong địa ngục kéo lưỡi”.

Tác phẩm Tịnh Độ Thuyết của Chân Hiết Liễu Thiền Sư có câu: “Cả một tông Tào Động thầy đều chú trọng ngâm tu. Là vì sao vậy? Là vì pháp môn Niệm Phật là đường tắt tu hành, thật dựa vào Đại Tạng, tiếp dẫn căn khí thượng thượng kiêm tiếp dẫn căn cơ trung, hạ”.

Ngài còn viết: “Bậc đại tượng trong Tông môn đã ngộ pháp bất hữu bất không bèn quyết chí khăng khăng nơi Tịnh nghiệp. Do Tịnh nghiệp thấy được Phật giản dị hơn Tông môn rất nhiều”.

Ngài còn nói: “Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiền đồng quy một nguồn. Nhập được pháp môn này thì vô lượng pháp môn thầy đều chứng nhập”.

Trường Lô Trách Thiền Sư kết Liên Hoa Thắng Hội phổ khuyến đạo, tục niệm Phật cầu Vãng Sanh, cảm hai vị Bồ Tát Phổ Hiền, Phổ Huệ trong mộng đến xin dự hội. Sư liền để tên hai vị Bồ Tát đứng đầu hội. Đủ thấy pháp này khế lý, khế cơ, chư thánh ngầm khen ngợi.

Trong hai triều Tống Thái Tông và Tống Chân Tông, Pháp Sư Tĩnh Thường trụ trì Chùa Chiêu Khánh ở Chiết Giang, hâm mộ đạo phong của tổ Lô Sơn Huệ Viễn, lập Tịnh Hạnh Xã. Ông Vương Văn Chánh Công Đán quy y đầu tiên, làm người chủ xưởng. Những bậc tể quan, châu mục, học sĩ, đại phu đều xưng là đệ tử, tham dự Tịnh Hạnh Xã đến hơn một trăm hai mươi người. Hàng sa môn tham dự đến hơn ngàn người, còn hàng sĩ thứ chẳng thể tính nổi số.

Sau lại có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan suốt bốn triều Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, xuất tướng nhập tướng hơn năm mươi năm, quan phẩm đến chức Thái Sư, được phong là Lộ Quốc Công. Ông bình sinh dốc lòng tin Phật pháp, tuổi già càng tận lực hỗ trợ đạo pháp, chuyên niệm A Di Đà Phật. Sáng, chiều, đi, đứng, chưa từng thiếu lời. Ông cùng với pháp sư Tịnh Nghiêm kết xã 10 vạn người ở Kinh đô để cầu sanh Tịnh Độ. Phần lớn các sĩ đại phu thời ấy đều được ông giáo hóa. Ông có bài tụng như sau:

**Tri quân khí đảm đại như thiên,
Nguyện kết Tây Phương thập vạn duyên,
Bất vị tự thân cầu kế hoạt,
Đại gia tề thượng độ đầu thuyền.**

(Tạm dịch:

**Biết Ngài lớn mật bằng trời,
Xin cùng Tịnh Độ kết mười vạn duyên**

Cứu thân nào tính kế riêng,

Ai ai đều đã bước lên thuyền rồi!)

Ông thọ đến chín mươi hai tuổi, niệm Phật qua đời.

Đời Nguyên - Minh thì có các Ngài Trung Phong, Thiên Như, Sở Thạch, Diệu Hiệp. Mỗi vị để lại thi ca, hoặc tạo luận giải thích, không vị nào là chẳng cực lực xiển dương pháp khế lý, khế cơ, suốt trên, tột dưới này. Nhưng các vị Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích là những người thành khẩn, thiết tha tột bậc nhất.

Đời Thanh có Ngài Phạm Thiên Tư Tề, Hồng Loa Triệt Ngô đều tận lực hoằng dương đạo này. Các tác phẩm Khuyển Phát Bồ Đề Tâm Văn của Ngài Phạm Thiên, Thị Chúng Pháp Ngữ của Ngài Hồng Loa có thể nói là những tác phẩm tiếp nối chí nguyện cổ thánh, khai phát kẻ học hậu lai, Kinh thiên địa, động quỷ thần. Nếu người học thật có thể hành theo đó thì không ai là chẳng già biệt Sa Bà, cao đẳng Cực Lạc, làm đệ tử của Phật Di Đà, làm bạn hiền trong Hải Hội.

* Cho đến khi nào căn cơ của chúng sanh hết sạch, đức Như Lai mới nghỉ ngơi, nhưng lòng đại bi lợi sanh của Phật chẳng bao giờ cùng tận. Do đó, các vị đại đệ tử phân phát xá lợi, kết tập Kinh Tạng mong được lưu thông khắp mọi cõi, ngõ hầu tất cả đều được Phật pháp thấm nhuần. Mãi đến đời Đông Hán, đại giáo mới bắt đầu truyền đến Trung Quốc. Nhưng do phong khí chưa mở nên chỉ lưu thông ở phương Bắc. Đến đời Tôn Ngô, vào năm Xích Ô thứ tư (241), tôn giả Khang Tăng Khải sang giáo hóa tại Kiến Nghiệp, cảm được xá lợi của Như Lai giáng

lâm khiến cho Tôn Quyền sanh lòng tin tưởng tột bậc. Họ Tôn bèn sửa Chùa, dựng tháp để hoằng dương pháp hóa. Nam phương bắt đầu được thọ hưởng giáo pháp từ đây.

Đến đời Tấn, giáo pháp lan khắp các nước Cao Ly, Nhật Bản, Miến Điện, An Nam, Tây Tạng, Mông Cổ. Từ đây về sau, ngày càng hưng thịnh. Đến đời Đường, các tông đã thành lập đầy đủ, có thể nói là cực thịnh. Các tông Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân hoằng Giáo. Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn hoằng Tông. Nam Sơn thì nghiêm tịnh Tỳ Ni (Luật). Liên Tông thì chuyên tu Tịnh Độ. Giống như các bộ chia nhau coi sóc công việc, hết như sáu căn hỗ trợ nhau. Ấy là vì Giáo là lời Phật, Tông là tâm Phật, Luật là hạnh Phật. Tâm, ngữ, hạnh ba thứ khó thể tách rời, chỉ là ước trên phương diện chú trọng vào mặt nào mà lập danh.

Chỉ mỗi mình pháp Tịnh Độ mới nhìn thì là phương tiện để phàm phu nhập đạo, nhưng thực ra nó là chỗ quy túc rất ráo của các tông. Bởi thế, kẻ sắp đọa A Tỳ được dự vào phẩm chót, bậc đã chứng ngộ ngang với chư Phật vẫn cầu Vãng Sanh. Lúc đức Như Lai còn tại thế, ngàn căn cơ cùng được nuôi dưỡng, vạn mạch đều quy hướng. Phật diệt độ rồi, bậc đại sĩ hoằng pháp ai nấy chỉ hoằng dương một pháp để mong thâm nhập được một môn.

Chư pháp dung thông, ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Đế Thích, mỗi hạt châu chẳng lẫn vào nhau, nhưng ánh sáng mỗi châu lại chiếu vào hàng ngàn hạt châu khác, ánh sáng của ngàn hạt châu chiếu vào một hạt châu. Soi rọi lẫn nhau nhưng chẳng tạp, riêng biệt nhưng

chẳng thể phân khai. Kẻ câu nệ vào Tích thì bảo: “Hết thầy pháp, mỗi pháp đều sai khác”. Kẻ khéo hiểu sẽ nói: “Hết thầy pháp, các pháp viên thông”. Như bốn cửa thành, gấn cửa nào theo cửa đó mà vào. Cửa tuy khác nhau, nhưng vào thành chẳng khác. Nếu biết ý này thì chẳng phải chỉ có những giáo lý rất sâu do chư Phật, chư Tổ đã nói mới là pháp để “quy chân đạt bản” (thấu hiểu một cách chân thật, thông đạt tận nguồn cội), minh tâm kiến tánh, mà hết thầy Âm, Nhập, Xứ, Giới, Đại v.v... trong khắp thế gian cũng đều là pháp để quy chân đạt bản, minh tâm kiến tánh! Mà mỗi một pháp cũng chính là chân, là bản, là tâm, là tánh!

Bởi vậy, Kinh Lăng Nghiêm coi Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh. Vì thế bảo rằng: Hết thầy pháp không một pháp nào chẳng phải là Phật pháp, cũng như không một ai chẳng phải là Phật. Tiếc thay chúng sanh châu đèo trong vạt áo trọn chẳng biết hay, ôm của báu đi ăn xin, chịu khổ cùng oan uổng. Dùng tâm Như Lai tạo nghiệp chúng sanh, dùng pháp giải thoát chịu khổ luân hồi, đáng thương lắm thay! Vì thế, bậc đại sĩ hoằng pháp chẳng nề gian nan, cay đắng, dùng đủ mọi phương tiện để khai ngộ, dẫn dắt khiến chúng sanh hiểu đúng sự lý, nhân quả của mười pháp giới, triệt ngộ tự tánh của tâm, ngộ hầu viên chứng rốt ráo.

Từ Đường, sang Tống, sang Nguyên, sang Minh, đến Thanh, cả một ngàn năm, thanh giáo chẳng khuất lấp. Dầu chẳng hưng thịnh bằng thời Đường, nhưng cũng có thể nói là suýt soát. Từ đời Hàm Phong, Đồng Trị trở đi, binh hỏa liên miên, đói kém liên tiếp, cao nhân ngày một

hiếm hoi, kẻ dung tục ngày càng nhiều, quốc gia chẳng bận tâm đề xướng, tăng lữ không sức chấn hưng. Do đó, hàng cao nhân tại gia vì chưa từng nghiên cứu Phật pháp, chuộng làm khuôn sáo cũ của Âu - Hàn (Âu Dương Tu, Hàn Dũ), đến nỗi đạo pháp suy sụp sát đất. Mãi đến cuối đời Thanh, học vấn phát triển, những người thiên tư cao tìm đọc Kinh Phật mới hay gốc đạo chính là đây, mới bèn quyết chí nghiên cứu.

II. KHUYÊN TÍN HẠNH NGUYỆN NÊN CHÂN THÀNH, THA THIẾT

1. GIẢNG VỀ LÒNG TIN CHÂN THÀNH, TÂM NGUYỆN THA THIẾT

* Nói đến Tín là nói phải tin Sa Bà thật là khổ, Cực Lạc thật là vui. Sa Bà khổ vô lượng, vô biên. Nói chung, chẳng ngoài tám nỗi khổ, tức là: sanh, già, bệnh, chết, ân ái biệt ly, oán ghét nhưng vẫn phải gặp mặt, cầu chẳng được thỏa ý, năm ám lũng lầy. Tám nỗi khổ này dù người cả đời giàu sang tốt bực hay kẻ nghèo đến nỗi phải ăn mày, ai nấy đều có. Bảy thứ đầu là quả báo do đời quá khứ cảm thành, cứ suy nghĩ kỹ ắt tự biết, chẳng cần phải nói rõ. Nói rõ sẽ phải tốn nhiều giấy mực.

Nỗi khổ thứ tám (năm ám lũng lũng) là do hiện tại khởi tâm động niệm cũng như những hành động, nói năng. Đây chính là nhân thọ khổ trong đời sau. Nhân quả vẫn vít lôi kéo liên tục từ kiếp này sang kiếp khác chẳng thể giải thoát.

Ngũ Ám là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc chính là cái thân do nghiệp báo cảm thành. Thọ, Tưởng, Hành, Thức là những thứ do tâm huyễn vọng khởi lên khi tiếp xúc với cảnh. Do các pháp thân tâm huyễn vọng này bèn đối với sáu trần cảnh khởi Hoặc tạo nghiệp như lửa cháy hừng hực chẳng thể dập tắt, nên bảo là “xí thịnh” (lũng lũng).

Thêm nữa, Ám có nghĩa là ngăn che. Do năm pháp này ngăn che nên chân tánh chẳng thể hiển hiện, như mây dày che khuất mặt trời. Tuy vàng thái dương rực rỡ trọn chẳng bị tổn giảm, nhưng vì mây che lấp nên

chẳng soi thấu được. Cũng giống như thế, phàm phu chưa đoạn Hoặc nghiệp bị năm pháp này che phủ, bầu trời chân tánh và vàng mặt trời trí huệ chẳng thể hiển hiện được. Đây là nỗi khổ thứ tám, chính là cội gốc của hết thảy các khổ.

Người tu đạo sức Thiên Định sâu, đối với cảnh giới sáu trần trọn không chấp trước, chẳng khởi oán ghét. Từ đây lại gia công dụng hạnh, tiến lên chứng đắc Vô Sanh thì Hoặc nghiệp hết sạch, cắt đứt căn bản sanh tử. Nhưng công phu này thật chẳng dễ dàng gì, trong đời mạt thật khó có ai đạt được. Vì thế phải chuyên tu Tịnh nghiệp cầu sanh Cực Lạc, nương Phật từ lực Vãng Sanh Tây Phương.

Đã được Vãng Sanh thì liên hoa hóa sanh, chẳng còn các nỗi khổ, thuần mang hình dáng bé trai, thọ ngang hư không, thân không tai biến. Những danh từ lão, khổ, bệnh v.v... còn chẳng nghe đến, huống là thật có! Kề cận thánh chúng, châu hâu Di Đà. Chim, nước, rừng cây đều diễn pháp âm. Tùy theo căn tánh nghe xong liền chứng, người thân còn chẳng thấy, huống là oán thù? Mong áo được áo, tưởng ăn liền ăn. Lâu các, đèn đài đều do bảy báu tạo thành, chẳng nhọc sức người, chỉ là hóa hiện. Vậy thì bảy nỗi khổ cõi Sa Bà biến thành bảy điều vui.

Nơi thân có đại thần thông, có đại oai lực, chẳng rời chỗ mình đang ở mà ngay trong một niệm ở khắp các Thế Giới của chư Phật trong mười phương, làm các Phật sự, thượng cầu, hạ hóa. Tâm có đại trí huệ, đại biện tài; nơi một pháp biết Thật Tướng của hết thảy pháp. Tùy cơ thuyết pháp chẳng hề làm lạc. Tuy nói những lời thuộc về Thế Đế nhưng đều khế hợp diệu lý Thật Tướng. Không có nỗi khổ Ngũ Âm Xí Thạnh, hưởng niềm

vui thân tâm tịch diệt. Bởi thế Kinh dạy: “Không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc”.

Sa Bà khổ, khổ chẳng thể nói. Cực Lạc vui, vui chẳng gì ví nổi. Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới gọi là Chân Tín. Đừng nên dùng tri kiến ngoại đạo, phạm phu để so lường làm lạc, cho rằng mọi thứ trang nghiêm thắng diệu chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh Độ đều là chuyện ngụ ngôn, là thí dụ, là tâm pháp, chẳng phải cảnh thật. Nếu có các thứ tà kiến, hiểu biết sai lạc như vậy sẽ đánh mất điều lợi ích thực sự là được Vãng Sanh Tịnh Độ. Cái hại ấy rất lớn, chẳng thể chẳng biết.

* Đã biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui thì hãy nên phát thệ nguyện thiết thực, nguyện lìa khổ Sa Bà, nguyện hưởng vui Cực Lạc. Nguyện ấy phải tha thiết như bị rớt xuống hầm xí, cầu được thoát ra gấp. Lại như bị giam cầm trong ngục, đau đáu nghĩ đến quê nhà. Sức mình chẳng thể tự thoát, ắt phải cầu người có đại thế lực cứu cho thoát khỏi.

Hết thấy chúng sanh trong Thế Giới Sa Bà đối với cảnh thuận - nghịch, khởi tham, sân, si, tạo giết, trộm, dâm, ô uế diệu giác minh tâm sẵn có. Đấy chính là hầm xí không đáy. Đã tạo nghiệp ác, ắt phải chịu ác báo, qua nhiều kiếp dài lâu luân hồi sáu nẻo. Đấy chính là chốn lao ngục chẳng hề phóng thích tội nhân. A Di Đà Phật trong nhiều kiếp quá khứ, phát bốn mươi tám nguyện độ thoát chúng sanh. Có một nguyện là: “Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, cầu sanh về nước ta, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng sanh, chẳng lấy Chánh Giác”. A Di Đà Phật thệ nguyện độ sanh; nhưng nếu chúng sanh chẳng cầu tiếp dẫn, Phật cũng chẳng biết

làm cách nào! Nếu như chí tâm xung danh, thề cầu xuất ly Sa Bà thì không một ai chẳng được Phật rủ lòng từ nhiếp thọ. A Di Đà Phật có đại thế lực, cứu được người đang ở trong hầm phân không đáy, trong lao ngục chẳng hề phóng thích, khiến họ thoát ngay những chốn ấy, đặt yên họ nơi quê nhà sẵn có là cõi Cực Lạc, khiến họ nhập cảnh giới Phật, được thọ dụng giống như Phật.

* Phật Di Đà vì chúng ta phát nguyện, lập hạnh để mong chúng ta thành Phật. Chúng ta bội nghịch hạnh nguyện của đức Di Đà nên bao kiếp dài lâu ngụp lặn mãi trong lục đạo, vĩnh viễn làm chúng sanh. Hiểu rõ Di Đà chính là đức Phật ở ngay trong tâm chúng ta, ta chính là chúng sanh trong tâm Phật Di Đà. Tâm đã là một, nhưng phàm và thánh cách nhau một trời một vực là do ta cứ một bề mê muội, trái nghịch nên mới đến nỗi thế. Tín tâm như vậy mới đáng là Chân Tín. Dùng tín tâm này phát nguyện quyết định Vãng Sanh, hành hạnh quyết định niệm Phật mới hòng thâm nhập Tịnh tông pháp giới, thành tựu ngay trong một đời, một phen siêu thăng liền vào thẳng ngay địa vị Như Lai như mẹ con gặp gỡ, vui sướng vĩnh viễn thường hằng vậy!

* Trong sự niệm Phật, điều trọng yếu nhất là để liễu sanh thoát tử. Đã vì liễu sanh tử thì với nỗi khổ sanh tử, tự sanh tâm chán nhàm; với sự vui Tây phương, tự sanh tâm ưa thích. Như thế thì hai pháp Tín - Nguyện sẽ được đầy đủ, trọn vẹn ngay trong khoảnh khắc ấy. Rồi lại thêm chí thành, khẩn thiết như con nhớ mẹ mà niệm thì Phật lực, tự lực, tự tâm tín nguyện công đức lực, cả ba pháp cùng hiển hiện trọn vẹn, khác nào mặt

trời rục rở trên không. Dù cho mây dùn, băng đóng tầng tầng, không lâu cũng sẽ tan hết cả.

* Hãy thử hỏi: Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm. Chẳng khẩn thiết thì có đạt được như thế chẳng? Không Tín - Nguyên có đạt được như thế chẳng?

* Phàm là bọn hữu tình chúng ta hãy nghe nói đến pháp môn Tịnh Độ thì phải tin Sa Bà cực khổ, Tây Phương cực vui, phải tin rằng từ nhiều đời đến nay, nghiệp chướng sâu nặng, chẳng cậy vào Phật lực, khó thể xuất ly. Phải nên tin rằng cầu được Vãng Sanh thì ngay trong đời này sẽ được Vãng Sanh. Phải tin niệm Phật nhất định được Ngài từ bi nhiếp thọ. Dùng một lòng kiên định này, nguyện là Sa Bà như kẻ tù muốn thoát khỏi lao ngục, trọn chẳng có tâm lưu luyến. Nguyện sanh Tây Phương như lũ khách mong quay về cố hương, chẳng hề có ý niệm do dự. Từ đó, tùy phận, tùy lực, chí tâm trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, chẳng luận là nói năng, im lặng, động, tịnh, đi, đứng, nằm, ngồi, đón tiếp khách khứa, mặc áo, ăn cơm, giữ sao Phật hiệu chẳng là tâm, tâm chẳng là Phật.

* Kinh A Di Đà nói: “Từ đây đi qua Tây Phương khởi mười vạn ức cõi có Thế Giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật hiệu A Di Đà, nay hiện đang thuyết pháp”. Kinh còn dạy: “Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh cõi ấy không có các điều khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên gọi là Cực Lạc”. Không có các điều khổ, chỉ hưởng những điều vui là do được trang nghiêm bởi phước đức, trí huệ, thần thông đạo lực của A Di Đà Phật.

Thế Giới chúng ta đang sống có đủ cả ba khổ, tám khổ, vô biên các nỗi khổ, hoàn toàn chẳng vui. Vì thế gọi là Sa Bà. Tiếng Phạn Sa Bà, Hán dịch là Kham Nhẫn, ý nói: chúng sanh trong Thế Giới này có thể kham chịu được các thứ khổ. Trong Thế Giới này chẳng phải là không có điều vui, nhưng những điều được coi là vui ấy lại đều là khổ. Chúng sanh mê muội lại coi đấy là vui, như mê rượu đấm sắc, săn bắn, bầy rập, có gì là vui? Một lũ ngu phu đấm đuổi chẳng bỏ được, thích đến quên mệt, thật đáng xót thương!

Những điều dù thật sự là vui cũng khó lâu bền. Chẳng hạn như cha mẹ cùng còn sống, anh em không xảy ra chuyện gì; chuyện như vậy làm sao thường hằng được mãi? Vì thế cảnh vui vừa thoáng qua, tâm buồn liền tiếp theo ngay, nên bảo là “trọn chẳng có gì vui”, chẳng cần phải bàn nữa! Sự khổ trong Thế Giới chẳng thể nói hết, nhưng có thể dùng tam khổ, bát khổ để bao quát không sót.

Ba khổ là:

- Khổ Khổ.

Vui (lạc) là Hoại Khổ.

- Chẳng khổ chẳng vui là Hành Khổ.

1) Khổ Khổ là nói thân tâm ngũ ấm này thể tánh bức bách nên gọi là Khổ. Lại còn phải luôn chịu đựng các nỗi khổ: sanh, già, bệnh, chết v.v... nên gọi là Khổ Khổ.

2) Hoại Khổ là bất cứ sự gì trong thế gian cũng chẳng được bền lâu. Mặt trời giữa Ngọ phải chéch về Tây. Trăng đầy rồi khuyết, đạo trời còn

phải như thế, huông là việc người? Cảnh vui vừa chớm, cảnh khổ đã đến ngay. Nỗi khổ ấy chẳng diễn tả được nổi! Vì thế gọi Lạc là Hoại Khổ.

3) Hành Khổ là tuy chẳng khổ, chẳng vui, tựa hồ phải chẳng, nhưng tánh nó dòi dôi, có gì là thường trụ? Vì thế gọi là Hành Khổ.

Nêu lên ba thứ khổ ấy (Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ) thì không có nỗi khổ nào chẳng gộp trong ấy. Ý nghĩa tám khổ trong các sách đã thuật rõ. Nếu biết cội này là là khổ thì tâm chán nhàm Sa Bà sẽ bùng bùng phát sanh. Nếu biết cội kia là vui thì ý niệm ưa thích, mong cầu Cực Lạc sẽ hưng hực phát khởi. Do vậy, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành để bồi đắp nền tảng. Lại dùng tâm chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương thì thoát được cội Sa Bà này, sanh về cội Cực Lạc kia, làm con đích thực của đấng Di Đà, làm bạn hiền trong Hải Hội vậy!

*** Xem cội Sa Bà này như xấu còn hơn nhà xí. Tin cội Cực Lạc kia chính là quê nhà mình vốn sẵn có. Chẳng cầu phước lạc cội trời, cội người trong đời này hay đời sau, chỉ nguyện khi báo chung mạng tận, được Phật tiếp dẫn Vãng Sanh. Sáng tối như thế, niệm đâu chú trọng đấy, niệm cực công thuần, cảm ứng đạo giao, lúc lâm chung, ắt được thỏa nguyện. Đã sanh về Tịnh Độ sẽ đón ngộ Vô Sanh, nhìn lại phú quý thế gian khác nào ánh dương diệm, hoa đóm trên không, thật đúng là nhà ngục, biển độc mà thôi!**

2. KHUYÊN TRỪ NGHI SANH TÍN

* Pháp môn Tịnh Độ nếu tin cho tới, còn gì tốt lành hơn! Nếu trí mình chưa quyết thì phải nên tin tưởng lời chân thành của chư Phật, chư Tổ, trọn chẳng được một niệm nghi tâm. Nghi sẽ chẳng tương ứng chư Phật, lâm chung nhất định khó thể cảm thông. Cổ nhân bảo: “Pháp môn Tịnh Độ chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu trọn vẹn. Hàng Đẳng Địa Bồ Tát chẳng biết được ít phần”. Hàng Đẳng Địa Đại Sĩ còn chẳng thể biết hết, huống hồ là hạng phàm phu lè tè sát đất lại vọng sanh ức đoán ư?

* Nếu tâm sanh tử thật sự thiết tha, tin tới nơi, tâm chẳng sanh một niệm ngờ vực thì dù chưa ra khỏi Sa Bà, đã chẳng còn là khách trọ lâu ngày trong chốn Sa Bà; chưa sanh Cực Lạc, nhưng đã là khách quý cõi Cực Lạc. Thấy người hiền mong mình được bằng, gặp điều nhân đừng để lỡ. Há có nên do dự, lười nhác, sao nhãng, để đến nỗi một phen làm lỡ khiến mình bị lỡ làng mãi mãi ư? Là trang nam nhi có huyết tánh, dứt khoát chẳng chịu sống làm thân đi, thịt chạy, chết mục nát như cỏ cây. Hãy gắng lên, cố lên!

* Trong các pháp môn khác, tiểu pháp thì đại căn chẳng cần tu, đại pháp thì tiểu căn chẳng tu nổi. Chỉ có một pháp Tịnh Độ này thích ứng khắp ba căn, gồm thân lợi độn. Trên thì Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, không vị nào vượt ra ngoài pháp này; dưới thì ngũ nghịch, thập ác, chủng tánh A Tỳ cũng được dự vào. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì chúng sanh đời mạt muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này tuyệt chẳng có chút hy vọng gì!

Tuy pháp môn này rộng lớn như thế, nhưng cách tu lại cực giản dị. Bởi lẽ đó, chẳng phải là người kiếp trước có thiện căn Tịnh Độ sẽ khó thể tin chắc chẳng nghi. Chẳng riêng phàm phu không tin, phần nhiều hàng Nhị Thừa cũng nghi. Chẳng những Nhị Thừa chẳng tin, quyền vị Bồ Tát vẫn có người còn nghi. Chỉ có các vị Bồ Tát Đại Thừa địa vị cao sâu mới có thể triệt để tin tưởng không nghi.

Người sanh lòng tin sâu xa nơi pháp này, dù là phàm phu đầy dẫy triền phược nhưng chủng tánh đã vượt qua Nhị Thừa, khác nào Thái Tử ngã xuống đất vẫn quý hơn quần thần. Tuy tài đức chưa lập, nhưng cậy vào thế lực của cha, cảm được báo như thế. Người tu Tịnh Độ cũng giống như vậy. Do dùng tín nguyện trì danh hiệu Phật nên có thể đem tâm phàm phu gieo vào biển giác của Phật. Bởi thế, ngầm được Phật trí, ám hợp đạo mầu.

Muốn bàn về pháp tu trong Tịnh Độ mà chẳng nói lược qua sự khó khăn của các pháp cậy vào tự lực để liễu thoát và sự dễ dàng của pháp cậy vào Phật lực này thì người nghe nếu chẳng nghi pháp cũng sẽ nghi chính mình. Nếu tâm có chút mảy may nào nghi ngờ, sẽ do nghi thành chướng; đừng nói là không tu, dù tu cũng chẳng được lợi ích thật sự. Do vậy phải nói rằng Tín là một pháp chẳng thể không gấp gấp giảng giải để mong gầy dựng sâu xa đến cùng cực vậy!

* Pháp môn Tịnh Độ do Phật Thích Ca và Di Đà kiến lập, do Văn Thù, Phổ Hiền chỉ quy, do Mã Minh, Long Thọ hoằng dương, do các vị Khuông Lư (Huệ Viễn), Thiên Thai (Trí Khải), Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích phát huy, xướng suất để khuyến khắp dù phàm

hay thánh, dù ngu hay trí. Các vị Bồ Tát đại sĩ ấy trăm ngàn năm trước, sớm đã vì ta nghiên cứu khắp các giáo pháp trong Đại Tạng, đặc biệt chọn ra pháp chẳng cần đoạn Hoặc mà được dự ngôi Bồ Xứ này, ngay trong một đời này quyết định xỏ lồng, chí viên, chí đốn, cực kỳ giản dị, thống nhiếp Thiên - Giáo - Luật, lại vượt xa Thiên Giáo Luật cho dù căn cơ cạn hay sâu, dù Quyền hay Thật. Thật là một diệu pháp thật đặc biệt, siêu việt lẽ thường.

Chúng ta chẳng tin tưởng Phật, Tổ là những bậc thầy từ xưa bằng những vị tri thức cận thời hay sao? Kinh Hoa Nghiêm là vua trong Tam Tạng, cuối Kinh quy kết chú trọng nguyện vương. Hoa Tạng hải chúng đều đã chứng Pháp Thân, đều cầu Vãng Sanh hồng viên mãn Phật Quả. Bọn ta là hạng gì mà lại dám chẳng bắt chước theo? Hãy bỏ tâm cuồng ấy, tận lực thực hành đạo này. Công đức lợi ích sẽ tự chứng biết. Nào đợi phải tham học khắp cả rồi mới thành hạng biết pháp ư?

* Luận bàn xác thực thì pháp môn Đại Thừa, pháp nào cũng viên diệu. Nhưng căn cơ có sống, chín, duyên có cạn, sâu. Bởi thế, xét về mặt lợi ích thì có “khó được” và “dễ được”. Tổ Thiện Đạo, hóa thân của Phật Di Đà, đã dạy chuyên tu. Ngài chỉ e hành nhân tâm chí bất định, bị các thầy trong những pháp môn khác lung lạc, nên bảo: Cho dù thánh nhân Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, và Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Đẳng Giác Bồ Tát cho đến thập phương chư Phật tận hư không, trọn pháp giới hiện thân, phóng quang, khuyên ta bỏ pháp Tịnh Độ, giảng cho pháp thù thắng nhiệm màu nào khác, ta cũng chẳng chịu nhận. Thừa

là do lúc ban đầu đã phát tâm chuyên tu Tịnh Độ, chẳng dám trái nghịch nguyện ấy.

Hòa Thượng Thiện Đạo đã sớm thấy người đời sau đứng núi này trông núi nọ, chẳng có kiến giải nhất định. Vì thế Ngài nói như vậy để kiệt lực xoay chuyển cái tâm ngắm nghé cuồng vọng, ưa ham cầu. Ai đã biết Ngài Thiện Đạo là thầy mà lại chẳng tuân theo? Thế mà người tuân theo lời Ngài thật chẳng được mấy! Có phải là do túc thế ác nghiệp sai khiến đến nỗi ngoảnh mặt bỏ lỡ pháp khế lý, khế cơ bậc nhất này, không Thiên, không Tịnh Độ, nghiệp thức mang mang, làm kẻ không cội rễ trong nẻo luân hồi đó chăng? Áo nào thay!

Tu hành Tịnh Độ có cái lẽ quyết định chẳng nghi. Chẳng cần phải hỏi han người khác hiệu nghiệm hay không! Dù khắp cả người đời không ai được hiệu nghiệm, cũng chẳng sanh nhất niệm nghi tâm, cứ lấy lời lẽ chân thành của Phật, Tổ làm căn cứ. Nếu hỏi người khác về sự hiệu nghiệm, chính là tin Phật chưa đến mức cùng cực, tâm vẫn còn so đo, chưa thể trọn vẹn mọi sự. Nam nhi anh liệt quyết chẳng đến nỗi bỏ lời Phật để tin lời người, trong tâm không chủ ý, chỉ muốn cậy vào lời người khác khoe hiệu nghiệm để hướng dẫn tiền đồ của chính mình. Thật chẳng đáng buồn ư?

* Do tập khí, mỗi chúng sanh có điểm riêng thiên trọng. Kẻ ngu thiên về cái tầm thường, hèn kém. Người trí thiên về điều cao thượng. Nếu kẻ ngu cam phận ngu, chẳng tạp dụng tâm, chuyên tu Tịnh nghiệp sẽ ngay trong đời này quyết định được Vãng Sanh. Như vậy dù ngu nhưng chẳng ai bằng được. Nếu là người trí, nhưng chẳng tự đắc, vẫn từ Sự

hướng đến pháp môn cây vào Phật từ lục, cầu sanh Tịnh Độ thì có thể nói là bậc đại trí. Còn như cây vào kiến giải của mình, miệt thị Tịnh Độ; sẽ thấy kẻ đó từ kiếp này đến kiếp khác, trầm luân ác đạo, muốn học đòi theo kiểu ngu phu ngày hôm nay cũng trọn chẳng thể được!

Những người thông hiểu Tánh Tướng Tông Giáo, tôi thực sự ái mộ, nhưng chẳng dám học theo. Vì sao? Là vì dây ngăn chẳng kéo được nước sâu, túi nhỏ chẳng thể chứa vật lớn. Tôi chẳng bảo là hết thầy mọi người đều nên phỏng theo việc tôi làm. Nhưng nếu cũng hèn kém như tôi mà lại toan học theo hành vi của bậc đại thông gia, toan thẳng vào diệu ngộ tự tâm, vẫy vùng biển giáo, tôi chỉ e chẳng thành bậc đại thông gia, trái lại còn bị hàng ngu phu, ngu phụ già giặn, chắc thật niệm Vãng Sanh Tây Phương thương xót! Há có phải là biển khéo thành vụng to, toan bay lên không nhưng lại bị rớt xuống vực sâu thăm thẳm đó chẳng? Một lời đủ để bao quát hết: Hãy tự xét kỹ căn cơ của chính mình mà thôi!

* Ông La Đài Sơn chẳng được Vãng Sanh, lại bị đọa vào nơi phước báo là do tập khí văn chương quá nặng. Tập khí ấy đã nặng, dù nói là niệm Phật, nhưng thực ra niệm niệm đặt nơi công phu sáng tác văn chương. Công phu niệm Phật chỉ là chống đỡ mặt ngoài đó thôi. Đây là bệnh chung của văn nhân, chẳng phải chỉ riêng Đài Sơn thôi đâu! Phật bảo thế trí biện thông là một trong tám nạn, chính là vì lẽ này.

* Người sống trong cõi đời, nhất nhất phải theo đúng bản phận của mình, chẳng thể vọng tưởng tính toán ra ngoài bản phận. Tức là như thường nói: “Quân tử chẳng vượt ngoài phận vị của mình”. Cũng như nói: “Quân tử chỉ làm đúng theo phận vị của mình”. Tuy đối với pháp

môn Tịnh Độ đã sanh tín tâm, nhưng ý niệm ưa cao, chuộng trội vẫn còn chưa buông xuống được, chưa chịu đặt mình vào hàng ngu phu, ngu phụ. Phải biết rằng ngu phu, ngu phụ dễ liễu thoát sanh tử bởi tâm họ chẳng có dị kiến.

Nếu hiểu Tông, thông Giáo, toàn thân có thể buông xuống hết, thực hành công phu của hạng ngu phu, ngu phụ thì cũng dễ liễu thoát sanh tử. Nếu không thì bậc cao nhân thông Tông, thông Giáo lại chẳng bằng ngu phu, ngu phụ đời nghiệp Vãng Sanh! Pháp môn Tịnh Độ lấy Vãng Sanh làm chủ, tùy duyên tùy phận chuyên tinh chí mình, Phật quyết chẳng dối người. Nếu không, mong bay lên hóa ra lại rớt xuống; đây là tự mình làm lẫn, nào phải lỗi của Phật đâu!

*** Một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn tối huyền, tối diệu, chí viên, chí đốn trong giáo pháp của cả một đời Đức Phật (một pháp có đủ hết thủy pháp là Viên, ngay trong đời này tu sẽ chứng đắc ngay trong đời này nên bảo là Đốn). Hạng phàm phu lè tè sát đất cũng vào được pháp này, bậc Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng ra khỏi pháp này. Thực là một con đường tắt để thượng thánh hạ phàm chóng thành Phật đạo, là một chiếc thuyền từ phổ độ chúng sanh của chư Phật, chư Tổ.**

Chẳng sanh tín tâm nơi pháp này, hoặc tin chẳng chân thành, thiết tha, chính là do nghiệp chướng sâu nặng, chẳng kham liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn thường luân hồi lục đạo trong Thế Giới này, chẳng có kỳ ra. Dầu được làm thân trời, người, thời gian ấy rất ít, như khách chỉ ở trọ. Một phen đọa trong tam đồ, thời

gian ấy dài lâu như ở yên nơi quê nhà. Mỗi lần nghĩ đến tâm Kinh sợ, dựng đứng lông tóc, chẳng nề rát miệng khăn cáo đồng nhân.

* Xem kỹ thơ Ngài gửi đến, bàn luận nhiều điều, nhưng có thể nói gọn một lời là “chỉ dùng tri kiến phàm phu để suy lường xằng bậy Phật trí mà thôi”! Và như chúng ta từ sống đến chết, trong là thân tâm, ngoài là cảnh giới, có một ai biết rõ được nguyên do mọi sự chẳng? Từ khi mình có hiểu biết đến nay, thấy tiền nhân làm sao mình cũng bắt chước làm đúng như thế thì thân thể mới được thành lập, mọi sự mới thuận tiện, thích đáng, thân tâm an lạc, từ sống đến chết hưởng thọ tự tại. Đối với những lời khuyên dụ của đức Như Lai, các hạ cho rằng vì chẳng biết ngọn ngành Phật trí và ngọn ngành Tịnh Độ như thế nào, nên dù Phật, Tổ nói lời thành thực, cũng chẳng thể nhân đó sanh lòng tin.

Xin lấy chuyện này để xét: Các hạ suốt ngày ăn cơm, suốt ngày mặc áo, thì có biết hay là không biết nguồn gốc của việc chống đói, ngăn lạnh chẳng? Nếu nói là biết thì ai là người biết, xin chỉ đích xác ra. Nếu chỉ không được, vẫn là theo quy củ của tiền nhân đã lập mà ăn cơm, mặc áo! Sao lại đối với diệu pháp liễu sanh thoát tử bậc nhất, cứ đòi phải biết trước cội nguồn rồi mới sanh lòng tin, trọn chẳng chịu do lời thành thực của chư Phật, chư Tổ mà sanh lòng tin vậy?

Hơn nữa, nếu các hạ có bệnh cần phải uống thuốc thì trước hết sẽ mở sách Bản Thảo, Mạch Quyết ra xem để biết dược tánh, nguồn gốc căn bệnh rồi căn cứ trên bệnh chứng mà kê toa, sau đấy mới uống thuốc; hay là lập tức mời thầy lang chẩn mạch, lập tức uống thuốc? Nếu lập tức uống thuốc thì việc trị bệnh và học Phật mâu thuẫn nhau quá!

Dù cho có mở sách Bản Thảo, Mạch Quyết ra xem để biết được tánh, gốc bệnh, cũng vẫn mâu thuẫn với việc học Phật. Vì sao vậy? Bản Thảo, Mạch Quyết đều là lời đề đời của tiền nhân. Ông chưa thể tận mắt thấy, làm sao tin được? Nếu bảo những câu trong Bản Thảo, Mạch Quyết chẳng thể không tin thì lời của Phật, Tổ, thiện tri thức sao lại đều chẳng tin, cứ phải chính mình thấy mới tin?

Với tri kiến của ông, nếu cứ thực tình mà luận thì trước hết phải thấy thuốc ấy chạy vào Kinh lạc nào, trị được bệnh nào, rồi mới kê toa, uống thuốc; quyết chẳng chịu dựa theo những điều nói trong Bản Thảo, Mạch Quyết để lập toa, uống thuốc. Vì sao vậy? Vì chưa từng thấy.

Nay nguồn gốc của việc chống đối, ngăn lạnh, trị bệnh chưa từng thấy nhưng vẫn cứ ăn cơm, mặc áo, uống thuốc; thế thì ngọn nguồn của Phật và Tịnh Độ chưa từng thấy, dù có lời thành thực của Phật, của Tổ cũng chẳng tin là vì lẽ gì? Với điều này thì coi là chuyện liên quan đến tánh mạng, tuy không biết vẫn chẳng dám không làm đúng như thế. Còn với chuyện kia lại cậy mình cao minh, đòi phải thấy tốt cùng mới chịu tu trì pháp ấy. Xưa nay được mấy kẻ hào kiệt phi thường như thế? Do tri kiến đó, rốt cục chẳng hưởng lợi ích thật sự của Phật pháp.

Những kẻ bị coi là ngu phu, ngu phụ kia, thoát đầu cũng chẳng biết gì, nhưng y theo quy củ của tiền nhân, cấm đầu niệm Phật. Bởi đó, ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo màu, liền được đời nghiệp Vãng Sanh, cùng kẻ đoạn Hoặc Vãng Sanh đều chứng Phật Quả, có hơn kẻ chỉ biết xông rồi thôi chẳng? Loại người tự dán nhãn mình là hạng xuất cách, do nghi sanh báng, sẽ từ kiếp này sang kiếp khác, đọa mãi trong ác đạo, dù hàng

ngu phu, ngu phụ niệm Phật Vãng Sanh thương xót muốn cứu vớt giùm cũng chẳng biết làm sao! Vì sao? Vì hạng này bị ác nghiệp bất tín đời trước chướng ngại.

Trí của các hạ như bảo kiếm Can Tương, Mạc Gia, chặt ngọc như chém bùn. Do chẳng khéo dùng trí ấy, khác nào dùng thanh Can Tương, Mạc Gia để chém bùn, bùn không việc gì, uổng phí kiếm sắc, chẳng đáng buồn sao?

* Phật pháp là tâm pháp. Hết thấy pháp thế gian chẳng sánh ví được. Có sánh ví chẳng qua là để khiến người ta lãnh hội được ý nghĩa. Chẳng được chấp chết vào sự để bàn ngang. Dùng cái quạt để ví cho mặt trăng, rung cây dạy gió. Nếu cứ do cái quạt tìm lấy quang minh, từ nơi cây tìm ra sự phát phơ thì có còn gọi được là trí hay chẳng? Tuy mộng cảnh là giả, nhân quả là chân, cũng chẳng ngại dùng mộng cảnh để ví dụ nhân quả, cốt sao chúng phù hợp nhau.

Là sao? Vọng tâm là Nhân, mộng cảnh là Quả. Nếu không vọng tâm chắc chắn chẳng có mộng cảnh. Điều này nhất định chẳng dễ luận. Tâm thiện ác và việc tu trì là Nhân, được quả báo thiện ác và quả báo tu trì là Quả. Các hạ phải tin; nếu không, do vọng tâm là nhân của mộng sẽ được mộng cảnh. Tâm niệm Phật là nhân thành Phật, gần là được Vãng Sanh Tây Phương, xa là rốt ráo viên thành Phật đạo. Đây chính là điều Ngài đang nghi, ngăn trở Ngài phát khởi lòng tin vậy!

* Hãy để chuyện Phật rốt ráo là có hay không lại đó. Các hạ cứ muốn cật vấn Phật là có hay là không thì hãy tự hỏi chính các hạ rốt ráo

là có hay là không? Nếu bảo là không thì mỗi ràng buộc này đây, ai là người thuật nói? Nếu bảo là có, xin hãy chỉ đích xác! Lời lẽ của người nói chỉ là do yết hầu và thức tâm hợp lại mà có. Văn tự cũng do thức tâm, tay, bút vận động mà hiện. Mỗi mỗi đều chẳng ngoài Ngũ Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đều chẳng phải là các hạ! Rời ngoài năm pháp này có chỉ được ai là các hạ để hỏi Phật rốt ráo là có hay không, mà cho đó là câu hỏi đại trí huệ?

Nếu chẳng chỉ ra được chính mình là có hay không, nhưng lại muốn biết Phật là có hay không trước đã thì đây chỉ là câu hỏi cuồng vọng, không đáng luận tới, chẳng phải câu hỏi thấu đạt lý đến cùng tận! Phật rốt ráo là có. Vì phàm tình của ông chưa sạch, nên Phật chẳng thể hiện. Chính các hạ cũng là có. Do Ngũ Uẩn của ông chưa là không nên cũng chẳng thể chỉ ra ngoài Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức được!

*** Kinh Kim Cang dạy hàng Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, phát tâm độ hết thấy chúng sanh khiến họ đều chứng Vô Dư Niết Bàn, nhưng chẳng thấy có một chúng sanh được diệt độ. Chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí. Bố thí đứng đầu trong lục độ vạn hạnh. Nêu lên bố thí thì trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, cho đến vạn hạnh cũng đều chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để tu. Văn Kinh này giản lược, chỉ nêu bố thí để nói chung tất cả các pháp kia.**

Hãy nên không trụ vào đâu để sanh tâm. Không có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả mà tu hết thấy thiện pháp. Nói như vậy thì bảo là hữu tướng hay vô tướng?

Tướng quang minh rộng lớn như thế chật kín thái hư mà bảo là không thì khác gì mù lòa từ lúc mới sanh? Nói “không có một chúng sanh được độ” là chẳng trụ vào tướng, vô tướng. “Vô sở trụ” là muốn cho con người chẳng vướng mắc trong phàm tình, thánh kiến, rồi chấp trước tướng.

Nói “độ tận chúng sanh, hành bố thí, sanh tâm, tu thiện pháp” là muốn cho con người xứng tánh tu tập pháp tự lợi, lợi tha, ngõ hầu mình lẫn người cùng được viên mãn Bồ Đề mới thôi, đừng vướng vào đó, vọng chấp vô tướng là rốt ráo, chia xẻ cùng một tri kiến với kẻ nhai bã hèm, có đáng gọi là người có trí huệ chăng? Tín có gì là khó khởi, nghi có gì là khó trừ? Ông quyết định chẳng chịu khởi, quyết định chẳng chịu trừ. Dù Phật có đích thân thuyết pháp cho ông, cũng chẳng làm sao được! Huống hồ tôi đây chỉ là kẻ phàm phu đầy dẫy triền phược?

* Muốn biết Phật là thật hay giả, sao chẳng đối với những lý được bàn trong Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ và những chuyện được chép trong ấy mà phát khởi lòng tin, dứt lòng nghi, lại cho những ngôn luận, sự tích ấy chỉ là chuyện bịa đặt, lời đồn, chẳng đáng để vào mắt vậy? Nếu nghĩ như vậy thì nhất định linh hồn chẳng đọa trong năm đường nào khác, chỉ ở ngay trong địa ngục A Tỳ đến hết đời vị lai. Cứ mãi mãi hưởng thọ vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao do tâm hiển hiện, cứ coi chúng như các thứ lạc cảnh tự tại thọ dụng. Coi đó là vui thì chẳng thể khuyên dụ được nữa!

Ông cứ muốn biết Phật là thật hay giả, dù Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ nói gì đi nữa đều coi là chẳng thật; chỉ khi tự mình thấy, đích

thân chúng, mới nhận là thật; nay tôi lấy một sự tương để hỏi, ông nên thẳng thắn đáp lời, chẳng được hàm hồ, thoái thác.

Bắc Thông Châu Vương là Tiền San, thời nhà Thanh từng giữ chức Phiên Đài ở Quảng Tây. Khi ấy, Quảng Tây thổ phỉ rất nhiều. Lúc ông Tiền coi việc binh bị bèn bày kế diệt hết phi đảng, bắt giết rất nhiều. Bốn năm trước đây, ông mắc bệnh rất nặng. Cứ chợp mắt liền thấy mình ở trong căn nhà tối. Nhà đó rất lớn, lại rất tối, bọn quỷ vô số đều đến bức bách ông, sợ quá tỉnh dậy. Một lát sau, chợp mắt lại thấy y như cảnh cũ, lại hoảng sợ tỉnh dậy. Suốt ba ngày đêm chẳng dám chợp mắt. Ông ta chỉ còn thở thoi thóp, vợ bèn khuyên dụ: “Ông cứ như thế chẳng tốt đâu! Ông niệm nam mô A Di Đà Phật đi, niệm Phật sẽ ổn ngay!” Tiền San nghe vậy liền gắng niệm. Được một chốc liền ngủ, ngủ đây một giấc không mộng mị gì, mà bệnh cũng dần dần thuyên giảm. Nhân đó, ông trường trai niệm Phật. Năm ngoái, Tiền San và Trần Tích Chu lên núi, có trò chuyện cùng Quang.

Nếu các hạ lâm vào cảnh ấy, thì cứ phải biết trước là Phật là thật hay giả rồi sau mới niệm chăng? Hay là nghe xong liền niệm? Nếu lúc ấy chẳng nhọc công xét thật, giả, cứ niệm ngay, thì hiện tại sao lại cùng người đời này bàn bạc ngôn luận, sự tích người đời trước là thật hay hư? Cứ nhất loạt cho là vọng, chỉ cầu lấy chỗ đúng; cứ vin vào đó khiến tâm cảnh mơ màng, mờ mịt, còn toan nhỏ lệ khóc cầu nữa ư? Đã có thể coi phú quý như chiếc dép rách, sao không thể coi chấp trước giống như chiếc dép rách để bỏ sạch cả đi? Ông tính dùng tri kiến ấy để làm cửa nhập đạo đây ư? Chẳng biết nó chính là đường để đạt địa ngục A Tỳ đây!

Lấy mộng để ví cho Phật thì vọng tâm là Nhân, mộng cảnh là Quả. Ví như niệm Phật là Nhân, Vãng Sanh gặp Phật là Quả. Vì sao có thể lấy sáu thí dụ trong Kinh Kim Cang làm chứng? Ngôn ngữ, văn tự thế gian, một chữ, một sự, chẳng ngại gì diễn tả cả sang lẫn hèn, giảng giải cả tốt lẫn xấu. Chẳng hạn như chữ “Tử”, dùng để chỉ mình đức Phu Tử cũng được, mà chỉ người bình thường cũng được, dùng để gọi con cái cũng tốt. Đều phải dựa vào văn mạch để xác định ý nghĩa, quyết chẳng thể đối với chữ Tử có nghĩa là Phu Tử, lại giảng là “nhi tử” (con cái) được. Cõi Phật là mộng cảnh, đâu cần chờ các hạ thành Phật rồi mới nói sau. Nói như vậy chỉ tự tổn hại, vô ích mà thôi!

* Sự, Lý, Tánh, Tướng, Không, Hữu, Nhân, Quả lẫn lộn chẳng phân, chi bằng học theo ngu phu, ngu phụ, cắm cúi niệm Phật, cứ chí cung, chí kính, một mực thành khẩn. Lâu ngày chày tháng, nghiệp tiêu, trí rạn, chướng tận, phước dày, mỗi nghi tâm ấy triệt để rơi rụng hết, thì những chuyện Phật có hay là không, chính mình là có hay là không, đường nẻo “vào cửa Phật, lên bờ kia” đã có xác cứ, nào phải đợi hỏi ai nữa!

Nếu chẳng chuyên tâm, dốc chí niệm Phật, cứ cùng người khác bàn xuông những hiểu biết chỉ mới được một phần thì cũng giống như xem Kinh Kim Cang nhưng chẳng biết Thật Tướng. Xem Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ nhưng chẳng sanh tín tâm là do nghiệp ngăn chướng tâm, chẳng thể lãnh hội. Như kẻ mù nhìn mặt trời, mặt trời ở ngay trên không, mắt nhìn ngay vào mặt trời nhưng chẳng thấy được tướng sáng, nào khác

lúc chẳng thấy. Nếu mắt được sáng lại, vừa nhìn liền thấy ngay tướng sáng.

Một pháp Niệm Phật chính là một pháp tối thiết yếu để mắt được sáng lại. Muốn thấy tướng trạng Thật Tướng, hãy nên dốc trọn lòng thành nơi pháp này, ắt mau có ngày được thỏa nguyện lắm. Muốn tự thấy Chân Ngã, nếu chẳng phải là bậc đại triệt đại ngộ sẽ chẳng thể làm được. Muốn chứng ngộ mà chẳng đoạn Hoặc chứng chân sẽ không thể được. Muốn viên chứng, nếu ba Hoặc chưa đoạn sạch, hai tử (phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử) chưa vĩnh viễn mất, sẽ chẳng thể được!

Luận trên thực tại, các hạ luân hồi bao kiếp dài lâu và nay đang cất vắn những điều trái với giáo lý đều là do sức tác dụng của Chân Ngã. Do các hạ quay lưng với giác, xuôi theo trần lao, nên chẳng thể thọ dụng chân thật. Khác nào cái đầu của gã Diễn Nhã, hạt châu trong áo, từ đầu đến cuối chưa hề mất, làm sanh sợ hãi, làm chịu khốn cùng vậy!

* Tất cả thế gian dù là căn thân hay là Thế Giới đều là do đồng nghiệp, biệt nghiệp trong tâm của chúng sanh cảm thành, đều có thành hoại, đều chẳng trường cửu. Thân có sanh, già, bệnh, chết; Thế Giới có thành, trụ, hoại không. Câu nói: “Vật cực tác phản, cực lạc sanh bi” (mọi sự đến chỗ cùng cực sẽ chuyển biến theo chiều ngược lại, vui quá hóa buồn) là nói về ý này. Do Nhân đã là sanh diệt, Quả cũng chẳng thể không sanh diệt.

Thế Giới Cực Lạc là Thế Giới do Phật A Di Đà đã chứng ngộ triệt để Phật tánh sẵn có trong tự tâm, tùy tâm biến hiện, xứng tánh

trang nghiêm. Vì thế, sự vui trong cõi ấy chẳng có lúc cùng tận. Ví như hư không rộng rãi to lớn, bao hàm hết thảy sâm la vạn tượng. Dù Thế Giới nhiều lần thành, nhiều lần hoại, hư không rốt ráo chẳng bị tăng giảm.

Ông đem sự vui thế gian để nạn sự vui Cực Lạc, nhưng sự vui Cực Lạc ông chưa thể thấy. Dầu ông chưa thể thấy toàn bộ hư không, nhưng với khoảng hư không trong vòng trời đất đây, ông có bao giờ thấy nó bị biến cải hay chưa?

Phải biết rằng hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh. Vì thế Đức Phật dạy con người niệm Phật cầu sanh Tây Phương để nhờ vào nguyện lực đại từ bi của Phật Di Đà sẽ cũng được thọ dụng niềm vui bất sanh bất diệt ấy. Do căn thân là liên hoa hóa sanh nên không có nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết. Thế Giới là do công đức xứng tánh hóa hiện nên không có biến chuyển Thành, Trụ, Hoại, Diệt. Dù là Thánh Nhân vẫn có những điều không biết, há nên vì những pháp sanh diệt trong thế gian mà khởi nghi ư?

* Pháp môn Tịnh Độ là bi tâm triệt để của đức Như Lai, là pháp môn phổ độ chúng sanh khiến cho những kẻ phàm phu đầy dẫy triền phược, không có sức đoạn Hoặc, nhờ tín nguyện trì danh sẽ được liễu thoát ngay trong đời này, cùng làm bè bạn với Quán Âm, Thế Chí. Trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, địa vị gần kề Phật Quả vẫn còn phải Vãng Sanh mới thành Chánh Giác. Chí viên, chí đốn, thông trên, suốt dưới, vượt trội hết thảy các pháp môn đã được giảng trong cả một đời giáo hóa. Vì thế, trong khi Đức Phật giảng Kinh A Di Đà, sáu phương chư Phật

hiện tướng lưỡi rộng dài đồng thanh tán thán, khen là Kinh Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm.

Phật lại nói: Ta là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn làm được chuyện rất khó, hiếm có. Đức Thế Tôn ta tự phô bày túc nhân, bảo: “Ta trong đời ác ngũ trước, làm được chuyện khó làm sau đây: chứng đắc Bồ Đề, vì hét thủy thế gian nói pháp khó tin này. Thật là rất khó” khiến cho người nghe tin nhận, phụng hành, chỉ nhằm bày trọn bốn hoài xuất thế mà thôi.

Nhưng pháp môn này rất sâu, khó lường, tuy đã được Bồ Sư và chư Phật Thế Tôn cùng khuyên nên tin tưởng, nhưng đời vẫn còn rất nhiều kẻ nghi. Chẳng những hạng thế trí phàm tình chẳng tin, ngay cả hạng tri thức thông hiểu Tông, Giáo sâu xa cũng còn ngờ vực. Chẳng những hạng tri thức chẳng tin, mà bậc Thanh Văn, Duyên Giác đã chứng Chân Đế, nghiệp tận tình không hã còn nghi ngờ. Chẳng những bậc tiểu thánh chẳng tin, ngay cả Quyền Vị Bồ Tát cũng hã còn ngờ. Ngay đến bậc Pháp Thân Đại Sĩ dù đã tin chắc, nhưng vẫn chẳng thể thấu hiểu tận cùng nguồn cội.

Ấy là vì pháp môn này lấy Quả Giác làm Nhân Tâm, toàn thể là cảnh giới Phật, chỉ mình Phật với Phật mới có thể hiểu trọn, chẳng phải trí con người thấu hiểu được nổi! Bọn phàm phu ta ngựa tin lời Phật, y giáo phụng hành sẽ tự được lợi ích thật sự. Nếu được nghe pháp môn chẳng thể nghĩ bàn này thì phải là trong nhiều kiếp đã gieo sâu căn lành, hưởng hồ là tin nhận, phụng hành ư?

Kinh Hoa Nghiêm vua của Tam Tạng, là do đức Như Lai lúc tối sơ thành Chánh Giác, vì các bậc Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi địa vị đã vượt ngoài cửu giới, giảng ra pháp một đời thành Phật. Chỗ quy tông kết đảnh của Thật Nghĩa rất ráo là “dùng mười đại nguyện vương, hồi hướng Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới để mong viên mãn Phật Quả”.

Cảnh sở chứng của Thiện Tài đã bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, được gọi là bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác chỉ kém Phật một chút vẫn còn phải hồi hướng Vãng Sanh. Toàn bộ các Bồ Tát trong Hoa Tạng Thế Giới hải đều bảm thọ giáo pháp này, cùng tu pháp này. Huống nay kẻ thông Tông, thông Giáo, mức căn tánh thông lợi, mức chứng nhập sâu xa có hơn nổi các vị Đẳng Giác Bồ Tát kia chẳng? Ngàn Kinh, vạn luận, đâu đâu cũng dạy quy hướng. Vãng Thánh tiên Hiền ai nấy đều hướng về, những Kinh Luận ấy há chẳng đáng để tuân thủ, hành theo ư? Các vị Thánh Hiền ấy đều là hạng ngu phụ, ngu phụ ư?

Nói gọn một lời: Nghiệp sâu chướng nặng, chưa được giải thoát nên đến nỗi đối với việc hằng ngày còn chẳng biết, cứ quen thói chẳng suy xét đó thôi.

Nếu bảo: “A Di Đà Phật an cư Cực Lạc. Mười phương Thế Giới vô lượng, vô biên. Trong một Thế Giới, chúng sanh niệm Phật đã nhiều vô lượng, vô biên, A Di Đà Phật một thân làm sao tiếp dẫn khắp hết thấy những chúng sanh niệm Phật trong mười phương vô lượng vô biên Thế Giới được?”

Đáp: Sao ông lại dùng tri kiến phàm phu để suy lường Phật cảnh? Tôi mượn thí dụ nói rõ cho ông khỏi lầm. Một vầng trăng sáng rực trên không, hiện bóng trong vịnh con sông, trăng có tâm chẳng? Trên trời chỉ có một vầng trăng, nhưng biển cả, sông ngòi, sông to, suối nhỏ, đều hiện trọn vẹn khuôn trăng. Dù nhỏ như một chước (10), một giọt nước, không nơi nào chẳng hiện toàn thể bóng trăng.

Vả nữa, vầng trăng hiện nơi sông, rạch, một người nhìn thì có một vầng trăng ở ngay trước người ấy. Trăm ngàn vạn ức người trong trăm ngàn vạn ức chỗ cùng nhìn, không một ai là chẳng có một vầng trăng ở ngay trước mặt. Nếu trăm ngàn vạn ức người ai nấy đi qua Đông, Tây, Nam, Bắc; mỗi người đi đến đâu, luôn thấy trăng cũng đi theo đấy, chẳng hề gần xa! Nếu trăm ngàn vạn ức người đứng yên chẳng động, trăng cũng đứng yên chẳng động, thường ở bên người. Chỉ là nước trong lặng, trăng sẽ hiện; nước đục chao động, trăng ẩn mất. Trăng vốn chẳng lầy bở, trăng chẳng hiện là do nước đục ngầu, lay động, chẳng phản chiếu được bóng trăng.

Tâm chúng sanh như nước, A Di Đà Phật như trăng. Chúng sanh đầy đủ tín nguyện hạnh, chí thành cảm Phật thì Phật sẽ ứng như nước trong trăng hiện. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, chẳng chí thành, ứng với tham, sân, si, trái nghịch Phật như nước vừa đục vừa xao động dù trăng vẫn chiếu xuống nhưng chẳng thể hiện bóng rõ ràng.

Trăng là sắc pháp thể gian, còn diệu dụng như thế, huông hồ Phật A Di Đà đã hết sạch phiền hoặc, phước huệ đầy đủ, tâm trùm thái hư, lượng trọn pháp giới ư? Vì thế Kinh Hoa Nghiêm bảo: “Phật thân đầy khắp

pháp giới, hiện trước khắp hết thầy chúng sanh. Tùy duyên cảm ứng không đâu là chẳng trọn khắp, nhưng luôn ngồi nơi tòa Bồ Đề này”.

Do đó, biết rằng Phật cảm khắp pháp giới, Phật ứng khắp pháp giới. Phật thật sự chưa từng khởi tâm động niệm, có ý tưởng đến đi, nhưng có thể khiến cho chúng sanh duyên đã thành thực thấy Ngài đến đây tiếp dẫn Vãng Sanh Tây Phương. Cho nên Phật chẳng phải là một, chẳng phải là hai. Chỉ nêu đại ý để sanh chánh tín mà thôi.

Phải biết rằng pháp môn Tịnh Độ chính là để nhiếp phục người thượng thượng căn. Vì thế, Thiện Tài đã chứng Đăng Giác, Phổ Hiền Bồ Tát vẫn dạy dùng mười đại nguyện vương hồi hướng Vãng Sanh ngũ hầu viên mãn Phật Quả; nhân đó, khuyên khắp Hoa Tạng hải chúng. Do vậy, ta biết rằng một pháp hồi hướng Vãng Sanh Tịnh Độ chính là pháp tối hậu để viên mãn Phật Quả.

Đời có kẻ cuồng chẳng hiểu kỹ giáo lý, thấy ngu phu, ngu phụ đều tu được pháp này bèn khinh rẻ, cho là pháp Tiểu Thừa, chẳng biết rằng đây chính là pháp môn đệ nhất một đời thành Phật, thành thi, thành chung của Hoa Nghiêm.

Cũng có kẻ ngu tri kiến hẹp kém, nghĩ mình công phu cạn mỏng, nghiệp lực sâu dày, làm sao sanh ngay được; chẳng biết rằng tâm tánh chúng sanh và tâm tánh của Phật chẳng hai. Ngũ nghịch, thập ác sắp đọa địa ngục, gặp thiện tri thức dạy cho niệm Phật đủ cả mười tiếng hoặc chỉ mấy tiếng rồi liền chết đi, còn được Vãng Sanh. Lời Quán Kinh dạy có sao chẳng tin?

Bọn họ còn Vãng Sanh, huống hồ chúng ta dù còn tội nghiệp, dù ít công phu, sánh với kẻ thập ác ngũ nghịch kia chỉ niệm mười tiếng hay là mấy tiếng, còn vượt trội hơn rất nhiều, lẽ nào tự vội vàng bỏ qua đến nỗi đánh mất lợi ích vô thượng này?

Như Lai gọi pháp môn Tịnh Độ này là pháp khó tin là vì hạ thủ dễ lại thành công cao, dùng công ít được hiệu quả nhanh. Chí viên, chí đốn, thẳng tắt, rộng lớn, giản dị, vượt trội hết thảy giáo lý thông thường. Chẳng phải xưa vốn đã có thiện căn, quyết sẽ khó tin nhận, phụng hành. Tôi thường nói: “Cửu giới chúng sanh lìa khỏi pháp môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh” là chuyện thực vậy.

Pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, chính là để tiếp độ căn khí thượng thượng, kiêm tiếp dẫn hạng trung hạ căn. Kẻ ngu thường hay chê là pháp thiên cận, Tiểu Thừa; nói chung là vì chẳng xem Kinh Luận Đại Thừa, chưa phải là người thông suốt có đủ con mắt. Chỉ dùng cái tâm điên đảo, chấp trước của mình để suy lường đạo nguyên thủy trọng yếu, chung cục của Như Lai. Như kẻ mù ngó mặt trời, như người điếc nghe sấm, đương nhiên chẳng thấy, chẳng nghe, chỉ đành suy luận vọng tưởng!

Phải biết một pháp tín nguyện niệm Phật là do Như Lai vì bi tâm triệt để phổ độ chúng sanh mà tuyên thuyết. Chỉ có các vị Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền mới có thể rớt ráo đảm đương. Bọn họ thấy ngu phu, ngu phụ đều niệm Phật được bèn coi là pháp Tiểu Thừa thiên cận, khác nào ngôi sao bé chỉ chiếm lãnh được khoảng trời nhỏ, con trùng bé chỉ bò được khoảng đất hẹp!

Nếu tin tưởng được pháp này thì là nhiều kiếp đã trồng sâu thiện căn. Nếu có thể dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối thì cái tâm phàm phu đó biến thành Như Lai Tạng, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Hiện tại đã tiếp xúc với khí phận của Phật thì lúc lâm chung lại chẳng cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn hay sao?

3. KHUYÊN ĐẦY ĐỦ TÍN NGUYỆN

* Dù kính cẩn tu trì Ngũ Giới, Thập Thiện, được thân trời người, nhưng phước lạc nhân gian lại chính là cội rễ đọa lạc. Dù trên trời phiền hoặc chẳng mãnh liệt như trong nhân gian, nhưng một khi phước trời đã tận, nhất định sẽ đọa xuống. Do túc phước chưa tận, nên được hưởng phước. Do hưởng phước nên tạo nghiệp. Đã tạo nghiệp rồi thì đọa lạc ác đạo chỉ trong khoảng nháy mắt, một hơi thở thôi! Huống hồ có kẻ khi mạng trời đã hết, vì sức ác nghiệp đời trước đã chín, liền đọa ngay vào ác đạo!

Vì thế, Cổ đức bảo người tu hành nhưng không có chánh niệm tu trì Tịnh nghiệp, chỉ được phước báo trời người thì gọi là oán thù đời thứ ba. Kinh Pháp Hoa nói: “Tam giới không yên, giống như nhà lửa. Thật đáng sợ hãi”. Người biết tốt xấu phải gấp cầu xuất ly để được yên ổn mới là kẻ sách bậc thượng vậy.

* Một pháp Niệm Phật là cậy vào Phật lực để thoát tam giới, sanh về Tịnh Độ. Nay đã chẳng phát nguyện thì có tín chẳng? (Người tin thật sự ắt sẽ phát nguyện tha thiết). Tín nguyện đều không, chỉ niệm Phật

danh thì thuộc về Tự Lực. Vì không tín nguyện nên chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng hồng thế của đức Di Đà. Nếu đã hết Kiến Tư Hoặc, có lẽ được Vãng Sanh. Còn nếu hoàn toàn chưa đoạn hay chưa đoạn hết sạch thì nghiệp căn vẫn còn, làm sao thoát ngay khỏi luân hồi cho được? Ngũ Tổ Giới Diễn, Thảo Đường Thanh v.v... chính là những chứng cứ xác thực.

Phải biết rằng không có tín nguyện mà niệm Phật sẽ chẳng khác gì tham cứu bên Tông, bên Giáo. Dù có được Vãng Sanh nhưng nhân quả chẳng phù hợp với nhau! Ngài Ngẫu Ích nói: “Được Vãng Sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn”. Đây chính là phán định chắc như sắt vậy.

* Bình sinh tuyệt chẳng có tín nguyện thì khi lâm chung nhất định khó cậy vào Phật lực. Đã bảo là “thiện ác đồng thời cùng hiện ngay” thì chẳng luận là bốn chữ A Di Đà Phật chẳng hiện nên chẳng được Vãng Sanh, mà dù có hiện cũng chẳng được Vãng Sanh! Vì sao vậy? Do chẳng nguyện Vãng Sanh, do chẳng cầu Phật, nên chẳng được Phật tiếp dẫn. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi”. Cổ đức nói: “Như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ kéo đi trước”. Tâm tình đa đoan, đặt nặng nơi nào sẽ rơi về đó. Nay thiện ác đều hiện, do không có tín nguyện, chẳng thể làm gì ác nghiệp được! Phải biết rằng: Cậy vào tự lực thì nếu còn một mảy ác nghiệp sẽ chẳng thể xuất ly sanh tử, huống là nhiều ác nghiệp?

Lại nếu không tín nguyện, dù niệm đến Nhất Tâm thì trong vô lượng vô biên người như thế, may ra có một hai người được Vãng Sanh.

Quyết chẳng thể lấy đó làm gương để cắt đứt thiện căn của hết thầy người Vãng Sanh Tịnh Độ trong đời sau.

Vì có sao? Người có thể cậy vào tự lực, niệm đến mức nghiệp tận tình không, chúng Vô Sanh Nhân, trong cả cõi đời ít có được một, hai. Nếu ai nấy tu hành theo cách đó, bỏ Tín Nguyện chẳng theo, thì những chúng sanh bình thường sẽ ở mãi trong biển khổ, không cách nào xuất ly, đều là do bị một lời này chèn ép cả. Thế mà kẻ ấy vẫn dương dương đắc ý, cho mình là thật cao, chẳng biết mình bị đoạn Phật huệ mạng, là chúng sanh ngu si nói cuồng. Buồn thay!

Với pháp Tịnh Độ, phải tránh nhìn bằng một mắt, chẳng được đem những giáo nghĩa thông thường để so bì. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì sự liễu sanh thoát tử của chúng sanh đời mạt sẽ chẳng thể thấy được.

*** Hãy thường nên phát tâm quyết định, lâm chung quyết định muốn được sanh về Tây Phương. Đừng nói là chẳng muốn thọ lại thân người tầm thường, ngay cả thân vua trong cõi trời người và xuất gia làm Tăng, nghe một ngộ cả ngàn, đắc đại tổng trì, hoằng hóa đại pháp, làm thân cao tăng lợi khắp chúng sanh cũng coi như chỗ chứa tội lỗi, độc hại, tâm quyết định chẳng sanh một niệm muốn thọ. Quyết định như thế thì tín nguyện hạnh của mình mới cảm được thế nguyện của Phật, mới được Phật nhiếp thọ. Cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn, thẳng lên cửu phẩm, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi.**

* Phải biết rằng: Tây phương Cực Lạc Thế Giới, đừng nói là phàm phu chẳng đến được, ngay cả thánh nhân Tiểu Thừa cũng chẳng đến được vì nơi ấy thuộc về cảnh giới Đại Thừa chẳng thể nghĩ bàn. Tiểu thánh hồi tâm hướng đại thì liền đến được. Phàm phu nếu không có tín nguyện để cảm Phật, dù tu hết thấy các hạnh thù thắng khác lẫn hạnh trì danh thù thắng cũng chẳng thể Vãng Sanh. Vì thế, Tín - Nguyện là tối khẩn yếu. Ngài Ngẫu Ích nói: “Được Vãng Sanh hay chẳng toàn là do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn”. Dù ngàn đức Phật xuất thế cũng chẳng thay đổi được lời phán định chắc như sắt này. Hễ tin cho tới, dám chắc Tây Phương ông phải có phần.

* Nếu luận về pháp môn Niệm Phật thì chỉ có ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh là tông yếu. Đây đủ ba pháp, quyết định Vãng Sanh. Nếu không có tín thật, nguyện thiết, dù có chân hạnh cũng chẳng thể Vãng Sanh, huống là kẻ tu hành hời hợt, qua loa ư? Ngài Ngẫu Ích từng bảo: “Được Vãng Sanh hay chẳng toàn là do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn”. Bởi lẽ, pháp này cả ba đời chẳng dễ thường bàn, là đạo mâu độ khắp ba căn. Hãy nên dốc trọn toàn thân nương về tu tập, mới hòng chứng được lợi ích thật sự.

Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh sách Thập Yếu đã giảng rõ từng thứ. Nhưng trọng yếu nhất là trong phần giảng về Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của sách Yếu Giải, phần thứ ba là Minh Tông (minh định tông thú của Kinh) đã phát huy ba pháp này tinh tường bậc nhất. Tiếp đó, trong mỗi một đoạn văn, Tổ đều giảng giải về Tín - Nguyện - Hạnh. Hãy nên đọc thật kỹ cuốn sách chẳng thể thiếu này.

* Muốn sanh Tây Phương, trước hết phải có tín thật, nguyện thiết. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dù cho tu hành vẫn chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, chỉ được phước báo nhân thiên và tạo thành cái nhân đắc độ trong đời vị lai mà thôi. Nếu đầy đủ Tín - Nguyện thì được Vãng Sanh vạn người chẳng sót một ai. Tổ Vĩnh Minh bảo: “Vạn người tu, vạn người đến” là nói về Tín Nguyện Hạnh đấy!

* Phàm lễ bái, đọc tụng Kinh Điển Đại Thừa và làm hết những việc lợi ích người đời thầy đều đem hồi hướng Tây Phương, chẳng cứ gì niệm Phật mới hồi hướng Tây Phương được. Nếu đem các công đức khác hồi hướng về phước báo thế gian thì niệm chẳng quy một mối, càng khó Vãng Sanh. Phải biết rằng nếu thật sự niệm Phật sẽ chẳng cầu phước báo thế gian, nhưng tự được hưởng phước báo thế gian. Nếu cầu phước báo thế gian, chẳng chịu hồi hướng Vãng Sanh thì phước báo thế gian đạt được đó sẽ trở thành tệ kém. Tâm chẳng chuyên nhất nên càng khó quyết định Vãng Sanh!

* Người niệm Phật chỉ nên chân thành, thiết tha niệm Phật, tự có thể nương vào Phật tự lực tránh khỏi nạn đao binh, lửa, nước. Chỉ khi nào vì túc nghiệp lôi kéo hoặc do trọng báo địa ngục chuyển thành báo nhẹ trong hiện đời thì mới mắc phải những nạn ấy. Nhưng do thường ngày lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nên ngay khi ấy được Phật tiếp dẫn. Dù hiện tại chưa chứng Tam Muội nhưng đã dự vào dòng thánh. Tự thân như hình bóng, đao binh thủy hỏa chẳng trở ngại chi. Dù hiện tại gặp phải tai ương, thật chẳng bị khổ. Cả Thế Giới mênh mông, mấy ai được như vậy chẳng?

* Nguyên là Sa Bà như tù nhân mong thoát lao ngục. Nguyên sanh Cực Lạc như cùng tử mong về lại cố hương. Nếu trước khi chưa sanh về Tịnh Độ mà phải nhận lấy ngôi vua trong cõi trời người thì cũng phải coi đó là nhân duyên đọa lạc, trọn không có một niệm mong cầu, hâm mộ. Dầu đời sau chuyển nữ thành nam, xuất gia từ thơ ấu, nghe một ngộ cả ngàn, đắc đại tổng trì, cũng phải coi đó là đường quanh nẻo rẽ, trọn không có tâm niệm nào mong mỏi cả. Chỉ mong lúc lâm chung, được Phật tiếp dẫn, Vãng Sanh Tây Phương.

Đã được Vãng Sanh sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập Thánh, ở vào địa vị Bồ Xứ, chứng Vô Sanh Nhân, nhìn lại những sự như làm vua trong cõi trời người, xuất gia làm Tăng v.v... nào bằng Tịnh Độ. Tu các pháp môn khác trải bao kiếp khó nhọc, chuyên cần, nào được giải thoát! Như lửa đóm sánh với vàng mặt trời rạng rỡ, như gò mối sánh cùng Thái Sơn, khó ngăn buồn thương, khó kìm run rẩy! Bởi vậy, người tu Tịnh Độ trọn chẳng thể cầu những sự như hưởng phước lạc nhân thiên trong đời sau và đời sau xuất gia làm Tăng!

Nếu có chút mảy may mong cầu đời sau thì là chẳng có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, đối với thế nguyện của đức Di Đà sẽ bị cách trở, chẳng thể cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn! Như vậy là đã dùng diệu hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn tạo thành phước nhân hữu lậu trong cõi nhân thiên.

Vả nữa, lúc hưởng phước ắt sẽ tạo nghiệp. Đã tạo ác nghiệp ắt khó tránh ác báo. Như bỏ chất độc vào đê hồ khiến người uống vào phải chết.

Kẻ chẳng khéo dụng tâm, mắc họa như thế. Phải nên triệt để cắt đứt ý niệm ấy mới hòng được lợi ích hoàn toàn nơi Tịnh Độ, toàn thân thọ dụng vậy!

* Dù thọ cả trăm năm, chỉ trong khoảng khảy ngón tay, thở hắt ra một hơi là chẳng còn nữa! Hãy tìm đường thoát; chớ để đến lúc lâm chung, hối cũng chẳng kịp! Thường nhớ Kinh dạy: “Thân người khó được, trung quốc khó sanh, Phật pháp khó nghe, tín tâm khó khởi”. Nay may đủ cả bốn điều, càng phải nên nỗ lực như đã lên được núi báu, phải tìm cho được ngọc Ma Ni.

Chúng sanh vì còn trong địa vị phàm phu, chưa đoạn Hoặc Nghiệp, sanh tử giải quyết chưa xong, khó tránh đọa lạc; cho nên, đức Như Lai cực lực khuyên chúng sanh phát tâm chân tín và nguyện tâm thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh Độ. Dem hết thầy công đức đã tạo: cúng dường Tam Bảo, giữ giới cả đời... chẳng cầu phước báo đời sau trong cõi nhân thiên, chẳng cầu đời này trường thọ, khỏe mạnh, yên vui, chỉ cầu lâm chung Vãng Sanh Tịnh Độ thì phù hợp với thế nguyện của Phật, cảm ứng đạo giao, chắc chắn được mãn nguyện. Như người rớt xuống biển, có thuyền đến cứu, nếu chịu lên thuyền sẽ lên được bờ kia.

Cầu phước nhân thiên, chẳng cầu Vãng Sanh như chẳng lên thuyền, khó khỏi chết chìm. Phật muốn ông siêu phàm nhập thánh, ông lại chỉ nguyện được phước hữu lậu. Một khi phước báo đã hết, vĩnh viễn đọa trong đồ. Khác nào dùng ngọc Ma Ni để ném chim sẻ, được thì ít, mất quá nhiều. Chẳng tiếc lắm ư? Hãy nên tự cảnh tỉnh!

Nếu muốn trong đời này được hưởng lợi ích chân thật, hãy nên nương vào pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì quyết định được liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng y vào pháp môn Niệm Phật, đừng kể chi kẻ chưa được chân truyền Phật giáo, ngay cả kẻ đã được chân truyền cũng chẳng thể liễu sanh thoát tử. Vì sao thế? Dù được chân truyền, đại triệt, đại ngộ, nhưng vẫn chưa thật chứng. Có chứng mới liễu sanh thoát tử được, chứ chỉ ngộ thì chẳng thể liễu!

Tu các pháp môn khác đều phải đoạn Hoặc chứng chân mới có thể liễu sanh thoát tử. Tu pháp môn Tịnh Độ chỉ cần đủ tín thật, nguyện thiết, trì danh hiệu Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, Chánh - Trợ cùng hành, chẳng những được Vãng Sanh mà phẩm vị còn ưu thắng nữa. Chẳng riêng kẻ tin tưởng thuần thành, siêng tu được Vãng Sanh, mà hạng ngũ nghịch thập ác sanh lòng hổ thẹn lớn lao, chí tâm niệm Phật mấy tiếng thì ngay lúc mạng chung nhất định được Vãng Sanh. Do lòng từ rộng lớn của Phật, chuyên vì sự nghiệp độ sanh, nhất niệm hồi quang liền được nhiếp thọ. Như thế gọi là “nương Phật từ lực, đới nghiệp Vãng Sanh”.

Chúng sanh đời mạt chẳng nương theo Tịnh Độ, tu các pháp môn khác chỉ được phước báo nhân thiên và tạo nhân duyên đắc độ cho đời vị lai mà thôi. Do không sức đoạn Hoặc, gốc sanh tử vẫn còn, dễ hồ chẳng nẩy mầm mộng sanh tử nữa ư?

*** Pháp Niệm Phật trọng tại tín - nguyện. Tín nguyện chân thiết, dù trong tâm chưa thanh tịnh cũng được Vãng Sanh. Vì sao vậy? Do chí tâm niệm Phật là năng cảm, nên A Di Đà Phật liền năng ứng.**

Như nước trong sông, biển, chưa thể dứt sạch tướng động; nhưng nếu không gió cuồng, sóng to thì vàng trắng rạng ngời trên không sẽ hiện bóng lồ lộ. Cảm ứng đạo giao như mẹ con nhớ nhau. Pháp khác chuyên trọng tự lực, chẳng nhờ vào Phật lực. Cứ do đây mà hiểu được nghĩa này vậy.

* Ước theo những cách giảng dạy thông thường thì còn trong địa vị phàm phu muốn liễu sanh thoát tử thật chẳng phải chuyện dễ. Nếu ước theo pháp môn đặc biệt tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì ngay trong hiện đời ắt được liễu thoát. Nếu như đầy đủ tín thật, nguyện thiết thì trong vạn người nhất định chẳng sót một ai. Chúng sanh đời mạt chỉ có mỗi một pháp này đáng để nương cậy. Bởi thế, khi vận mạng đạo pháp ngày càng suy giảm thì pháp này càng thích đáng căn cơ, thiện tri thức càng đề xướng thiết tha. Chân thật tu trì liền được Vãng Sanh, là điều chứng nghiệm từng thấy.

* Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông. Có tín nguyện thì chẳng luận tu hành nhiều - ít, cạn - sâu đều được Vãng Sanh. Không tín nguyện dẫu đạt đến địa vị cả Năng lẫn Sở cùng mất, hồi thoát căn trần thì cũng khó được Vãng Sanh.

Nếu như thật sự đạt được Thật Lý Năng lẫn Sở cùng mất, hồi thoát căn trần, có thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử thì chẳng phải bàn đến nữa. Nhưng nếu công phu chưa thấy được lý này, vẫn còn chưa thật chứng, nếu không có tín nguyện, cũng khó Vãng Sanh.

Thiền gia giảng Tịnh Độ quy về Thiền tông, bỏ qua tín nguyện. Nếu thật sự y theo đó mà tu, họa may được khai ngộ, nhưng chưa đoạn Hoặc nghiệp, muốn liễu sanh tử thì có mơ cũng mơ chẳng được. Bởi phàm phu Vãng Sanh là do tín nguyện cảm Phật, nên có thể nương vào Phật từ lực đở nghiệp Vãng Sanh. Nay đã chẳng sanh tín nguyện, lại toan đem Phật lẫn cõi nước quy hết vào tự tâm, làm sao cảm Phật được? Cảm ứng chẳng phù hợp thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật, biến pháp Hoàn Siêu (siêu việt tam giới theo chiều ngang) thành pháp Thụ Xuất (thoát tam giới theo chiều dọc), được lợi thì ít nhưng lại bị tổn hại rất sâu! Chẳng thể không biết điều này!

Được lợi là do tuân theo thuyết ấy, họa chẳng được khai ngộ. Còn bị tổn hại là do bỏ đi tín nguyện sẽ không cách chi nhờ vào Phật từ lực được. Bởi vậy, tôi bảo: “Người thực sự tu Tịnh Độ chẳng được dùng đến lời khai thị của nhà Thiền, vì tông chỉ của pháp môn bất đồng vậy”.